

NHỚ THÂM TÂM
người thi sĩ chết trẻ
1917-1948



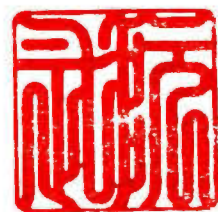
Thâm Tâm qua nét vẽ của Nguyễn Hải Chi

NĂM THỨ HAI ■ TUẦN BÁO VĂN HỌC
NGHỆ THUẬT RA NGÀY THỨ NĂM ■ 20 Đ.

Khởi Hành

CHỦ NHIỆM, CHỦ BÚT:
ANH VIỆT TRẦN VĂN TRONG

THƯ KÝ TÒA SOẠN:
VIÊN LINH



NHỮNG TIN CUỐI MÙA

Ba mươi một tuổi, vào một ngày cuối tháng năm, hay đầu tháng sáu năm 1948, Thâm Tâm đã bỏ mạng trong một cơn oanh tạc bên kia Sông Đuống. Người thi sĩ chết trẻ đó, tiền chiến, có lẽ là người thi sĩ duy nhất chết không mờ mịt. Đinh Hùng sau này có viết; không biết cái giờ phút cuối cùng của ông nó ra sao, và không hiểu ông được chôn cất như thế nào. Chiến tranh, chiến tranh ở V.N. một phần tư thế kỷ nay đã đưa đi những tên tuổi đang thành, những kiếp bút chưa tận, những thuyền văn giữa giông.

Ba mươi một tuổi, Thâm Tâm chưa hoàn tất một khuôn dáng nhất định, với một ít truyện dài đăng báo, một vài vở kịch chưa diễn, một tập thơ chưa hề được xuất bản. Rải rác, cái ông còn để lại rải rác đây đó trên một số báo chí xuất bản hồi ông ngoài hai mươi tuổi. Rải rác, những câu thơ, những bài hành. Ông chết, hơi thở cuối cùng tan trong gió sông, trong khói nổ, và tác phẩm còn tồn đọng nơi những trang giấy rời, những người bạn thiết. Đó là một điển hình ở tiền chiến, mà sau này, vài chục năm sau cái chết của ông, văn thơ Việt Nam còn tiếp tục đánh mất những trường hợp như thế. Chắc chắn đó không phải là những trường hợp hiếm hoi. Một bàn tay đếm không đủ những người văn nghệ đã vĩnh viễn ra đi trong khói lửa.

Theo nhà văn Vũ Bằng, Thâm Tâm không được học hành đến nơi đến chốn; ông tự học, và ngoài những học hành giáo khoa, ông còn học người xưa trong những bộ sách lúc nào cũng kê kê bên mình, ở thành phố hay trong kháng chiến: những bộ *Tam Quốc Chí*, *Thủy Hử*... Cũng như phần đông thanh niên VN khác, Thâm Tâm dở dang chuyện học, và lỡ làng kiếp sống. Đó cũng lại là một mặt tác hại khác của chiến tranh. Chưa hai mươi tuổi đã phải mưu sinh, cầm cúi trên những bìa sách và vừa hai mươi tuổi đã già dặn, cái già có thể hình dung thấy trên Tuổi Trẻ Việt Nam, và chỉ là Tuổi Trẻ Việt Nam. Cái già hai mươi tuổi và chạm ngoài đời, cái già với thê nhi quá sớm, cái già với trác táng hồi hã hay chán chường. Thâm Tâm, người thanh niên có đủ mọi hệ lụy, người cầm bút có đủ thứ

bệnh, lúc tuổi vừa qua hai mươi. Và cũng chính trong thời gian đó, ông ôm ấp một trường thành khác trong tuổi già của thanh niên, một sinh lực khác cho một đời sống khác sau này, là đời sống của Thơ Văn Thâm Tâm.

Tuổi ấy, ông còn thao thức vì tiếng súng kháng chiến vọng về. Và ngày mai tôi phải đi, mai này tôi phải đi, đó là những lời ông đã nhắc đi nhắc lại trong một số bài thơ. Ông đã đi, góp cái thân thể nhỏ nhoi, thêm cái cánh tay gầy guộc cho kháng chiến. Cái sức lực suy nhược ấy trong cộng đồng chẳng là gì, nhưng biến thành Thơ, thành Hành, đó là hào khí của những bài thơ, bài hành nổi tiếng nhất trong những bài thơ bài hành Việt Nam, về ngọn lửa đấu tranh, về tâm huyết trai trẻ.

Chiến tranh, trong những năm sau này, như bây giờ, cũng đang góp cho Văn Nghệ Việt Nam những tác phẩm trong khói lửa, phong phú về mặt hiện thực đời sống; đang phát hiện những mỏ quặng, chắc chắn sẽ dựng từ đó những tác phẩm văn nghệ giàu thịnh; cũng đã có những nhà thơ mệnh yếu trong bom đạn, giờ này chưa được nói đến đúng mức; nhưng không ai mong như thế cả. Không ai mong cái dở dang, cái thiếu hụt, những dở dang thiếu hụt rất thiết thời cho chúng ta, cũng như cho ngày mai.

Những cái chết ấy phải được nhìn ngắm mãi mãi như những hủy hoại khốc liệt cho Văn Nghệ.

57

thứ năm 11-6-70

<https://tieulun.hopto.org>

À M BÀN

THANH TÂM TUYỀN

27

Viết là nhân, chịu mỗi bất hạnh của người lớn. (Thường mà nói thì sĩ là đứa con nít, là đứa đại, văn sĩ là người lớn, người khôn. Con nít — người lớn, đại khôn ở đây không hề có ý đánh giá — người viết tra đánh giá lắm, chữ nghĩa chặt chẽ như mắt xích). Mọi người viết không ít thì nhiều đều than thở hoặc tự hào về mỗi này.

Mỗi bất hạnh có thể thâu tóm trong câu của một nhà văn : *Mỗi đầu tôi viết những điều tôi tin, sau tôi tin những điều tôi viết.*

Trong bất hạnh, tìm hạnh phúc. Trong ly tan, tìm kết hợp. Trong riêng lẻ, tìm đám đông. Trong lạc lõng, tìm chốn về. Trong xa cách, tìm gần gũi... Tìm và tìm, đó là nỗ lực của văn chương. Sức mệnh, chức năng, cứu cánh... hay ảo tưởng này sinh từ đây.

Thơ không tìm. Thơ thấy, thơ mở ra, thơ làm ra.

28

Anh ngồi trước trang giấy trắng. Anh đã lớn. Anh không mắc cỡ. không con nít, không đại nữa. Anh muốn làm nhà văn. Anh chấp nhận mỗi bất hạnh. Như mọi người đều phải sống, mỗi người một cách ngộ. Vì anh đã trải qua một cuộc bể dâu, những điều trông thấy mà đau đớn lòng. Anh muốn viết, anh muốn ghi chép (anh muốn làm nhân chứng đấy). Hơn thế anh còn muốn tìm, muốn phát hiện nhiều điều khác nữa. Muốn thế anh phải ngồi yên vững trong nhiều ngày anh phải lì lợm, bướng bỉnh, cao ngạo.

Văn chương bao giờ cũng thực hiện như một tham vọng. Văn chương là tham vọng. Tham vọng đòi sự tin tưởng và bền bỉ. Để viết nổi, anh phải tin vào những điều nào đó. Một chỗ, anh phải có một chỗ anh mới viết nổi.

Ngay cả khi anh khẳng khái, không chịu chọn chỗ, anh ngồi trong Hư Vô, Hư Vô cũng hóa thành một mặt ghế nâng đỡ anh.

Văn chương, là một niềm tin bất buộc. Sống trong cuộc ly tan anh bất buộc phải tin. Tin điều này hay tin điều nọ, không quan trọng.

29

Văn chương là biểu thức của cảnh phân tán trong kỷ nguyên này. Văn chương không là công trình gì, đó là những mảnh đời tan nát vương vãi, và có tham vọng trở thành một công trình. Bởi lẽ nếu văn lần lượt thơ thì chính nó lại bị triết lý lần lượt.

30

Anh ngồi trước trang giấy. Anh có một điều tin và nhiều điều cần ghi chép. Anh sẽ phải hỏi : Bắt đầu chỗ nào ? thế nào ? Ghi chép những gì đây ? Anh sẽ thấy anh bắt đầu chỗ nào cũng được. Bắt đầu chỗ nào anh cũng chưa thấy thực sự là khởi điểm, anh sẽ luôn luôn vẫn phải trở lại, vẫn phải ngoái về và hơn nữa. Xa mãi.

Rồi anh cứ bắt đầu đại vì anh phải tiến tới. Tiến tới, anh viết tới và anh sẽ không thấy chỗ ngừng. Và anh ngừng chỗ nào cũng được. Chỗ ngừng thực sự không phải là kết thúc.

Anh phải bắt đầu, anh phải tạm dứt, không có gì là cần thiết không có gì gọi là không thể khác. Anh có thể viết đi viết lại bao nhiêu lần tùy thích một chuyện đều được, trừ phi anh chán.

31

Một bài thơ không thể làm lại, không thể sửa đổi. Mọi công trình nghệ thuật đều không thể sửa đổi. Hồng hoặc được. Bởi đó là những lúc cụ thể và nhất định. Văn chương không là nghệ thuật, không có tính thiết yếu của nghệ thuật. Tự trong nó là sự bời rời, nát bấy, di động, co giãn, dãn trải.

Anh có thể dùng văn chương vào bất cứ việc gì. Δ

DƯƠNG TRƯ LẠ

THOISU nghe thuật

NHÀ XUẤT BẢN
VÀ «THĂNG» BÁO

Vừa rồi, 20 nhà xuất bản đứng đầu của nước này họp nhau lại để tìm một giải pháp cho tình trạng bế tắc lâu nay vì nạn «giấy»...

Rất cuộc buổi họp không đưa ra được một kết quả, đường lối cụ thể nào, mà chỉ là đề các «cụ» ngồi ăn nhọ tươi, giải khát và chửi bới «thăng báo» — danh từ của một trong 20 «cụ» giám đốc nhà xuất bản dùng để gọi làng báo xứ ta, gọi bằng «thăng» chưa há, cụ lại còn có vẻ miệt thị những người làm báo.

Nếu chúng ta không làm, thì đa số các ông giám đốc nhà xuất bản : hôm nay đang ngồi lại với nhau đó : đều phải nhờ «thăng báo» mà đọc giả mới biết tên tuổi, tài năng để mến thích các ông. Khi các ông in xong một cuốn sách các ông vẫn phải nhờ đến «thăng báo» quảng cáo bằng nhiều hình thức. Vậy mà các ông nở miệt thị «thăng báo». Kể cũng lạ.

CHỖ ĐỨNG CỦA
CẢI LƯƠNG
TRONG VĂN HÓA V.N.

Thị sĩ Anh Tuyền đã nói chuyện về đề tài «Chỗ đứng của cải lương trong văn hóa V.N.» tại thích đường trường Quốc gia âm nhạc, lúc 10 giờ sáng Chủ Nhật 7-6.

Buổi nói chuyện này lại cũng do Trung Tâm Văn bút Việt nam tổ chức.

Vì không có thì giờ đi nghe, nhưng chắc là trong số thính giả thế nào cũng có cụ Vương Hồng Sển, tác giả «Tôi mê đào hát» hay «Ba mươi năm cải lương» gì đó. Không biết thì thị sĩ Anh Tuyền có làm cho «nhà khảo cổ Việt Nam» mê cải lương thêm chút nào nữa không ?

THÊM 3 NHIẾP ẢNH GIA
ĐOẠT GIẢI Ở BỈ

Cuộc thi Ảnh Quốc tế tổ chức tại nước Bỉ, trong tháng 4/70 vừa qua, 3 nhiếp ảnh gia Việt Nam đã nêu cao tên tuổi. Đó là các ông Võ văn Thanh với tác phẩm «Độc Hành» đoạt giải nhì loại ảnh mỹ thuật. Ông Trương Vinh Đức với tác phẩm «Tim sống» đoạt giải nhất loại ảnh Kỹ thuật. Ông Phạm trọng Khánh với tác phẩm «Đua thuyền trong mưa» đoạt giải nhì loại ảnh thể thao.

Điều đáng chú ý là cả 3 nhiếp ảnh gia trên đây đều là hội viên của

Hội Ảnh Nghệ Thuật Việt Nam và thuộc chi Hội Phan thiết. Nếu có dịp kiểm điểm lại thì lắm lắm nhiếp ảnh gia Việt Nam đoạt giải quốc tế cũng bọn đó chứ.

NHÀ VĂN
NGUYỄN MẠNH CÔN
RA BÁO

Nhà văn Nguyễn Mạnh Côn đang đọc lực lo cho tờ báo mà anh đứng tên chủ nhiệm, chủ bút : *Chinh Văn*,

Chinh Văn sẽ là một tờ báo tháng văn hóa nặng về chính trị xã hội. Đường như số 1 sẽ phát hành vào 15/6 này.

VĂN CHƯA CÓ
TRỤ SỞ

Hai nhà Văn được Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu chỉ định vào Hội Đồng Văn Hóa Giáo Dục trong số 15 người được chỉ định là Bình Nguyên Lộc và Võ Phiến. Hôm chủ nhật trước gặp nhà văn Võ Phiến, anh cho biết Hội Đồng văn chưa hoạt động vì chưa có trụ sở.

Hội Đồng do nhà nước thành lập, có qui định trong Hiến Pháp, mà còn khó khăn thế, nói chi các Hiệp Hội Văn Hóa tư nhân.



ĐẶNG TRẦN HUÂN

TRƯỜNG HỢP
ANDREI AMALRIC

Nhà văn trẻ Nga số Andrei Amalric là tác giả một cuốn sách không mấy làm cho nhà cầm quyền Nga Sô vừa lòng. Cuốn sách có tên *Will the Soviet Union Survive Until 1684* (Liệu Liên Xô có thể tồn tại tới năm 1984 không) Cuốn sách được ấn hành ở nhiều nước Tây phương và giới quan sát rất lo ngại cho sự an ninh của Amalric. Họ tự hỏi Amalric làm thế nào để mà sống yên ổn ngay trong lãnh thổ Nga để tránh khỏi bị mật vụ bắt giữ.

Thế nhưng Amalric vẫn sống phây phây mấy tháng rồi không ai bắt bớ cả. Nhiều người đã có ý nghĩ Amalric là một nhân viên an ninh trá hình. Họ đề Amalric sống tự do chính là để dụ dỗ những nhà trí thức khác tự do phát biểu vùng vút rồi quơ một mớ lưới cho tiện sở sách.

Nhưng sự nghi ngờ ấy là một sự nghi oan. Tháng năm vừa rồi bốn xe hơi chở 14 nhân viên mật vụ đến nhiên tới bao vây căn nhà cổ của Amalric ở cách Đông Nam Mạc Tư Khoa lối 125 cây số. Hai người gõ cửa và cho biết họ muốn xem Amalric và vợ ông là Giselle định bầu bán ra sao trong kỳ tuyên cử sắp tới.

Khi vào trong nhà rồi, hai nhân viên cho biết là họ là nhân viên mật vụ và được lệnh bắt giữ Amalric. Nhà văn đòi xem lệnh bắt giữ ông. Khi thấy ngày sinh ghi trên lệnh bắt giữ không đúng Amalric cười bảo nhân viên mật vụ :

— Các ông bắt lầm người rồi người bị tầm nã đầu phải là tôi.

Nhưng mặt vụ Nga đâu có chú ý tới chi tiết nhỏ bé ấy. Họ vẫn dẫn Amalric ra khỏi nhà và tới bây giờ không biết số phận ông ra sao.

BÁO EXPRESS THUA KIẾN

Tổng Thống Pháp Georges Pompidou vừa kiến tuần báo Express vì báo này đăng hình ông trong một cái quảng cáo hors-bord của một hãng sản xuất du thuyền (Như hãng sản xuất nịt vú Larger đăng hình bé choai choai Hương Lan vậy)

Xét ra một cái hình đăng kèm chiếc du thuyền cũng chả xấu gì. Nhưng ông Pompidou không thích chuyện đó nên đi kiện. Điều lạ là ông Pompidou thắng kiện. Giá ông không là Tổng thống chắc gì báo Express đã thua. Trước đây Henri Charrière, tác giả Papillon kiện đòi tịch thu cuốn sách Georges Ménager vì cuốn này nói về đời tư của Charrière mà không được. Gunter Sachs, chồng cũ của Brigitte Bardot kiện đòi tịch thu báo Lui mà cũng không được.

Thế mới biết nhiều khi câu nói của Pascal "Lẽ phải là một cái đồ hai quai muốn xách bên nào cũng được" thật là chí lý. Và không cứ ở những nước đã man, bán khai mới có những ông tòa nâng bệ mà ở nước văn minh cũng thiếu gì.

HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT TẠI BẮC MỸ

Một nhóm sinh viên Việt Nam tại Mỹ vừa thành lập một hội lấy tên là Hội Khoa Học Và Kỹ Thuật tại Bắc Mỹ do ông Lê bá Tuấn làm chủ tịch.

Trong một bức thư của chủ tịch gửi bạn bè ông đã xác định một vài điểm như sau :

"Anh chị em chúng tôi trong hội chủ trương một cuộc cạnh tranh trường kỳ mà không tổn một giọt máu nào cho xã hội Việt Nam bằng cách tận lực giúp đỡ cho dân mình những kiến thức khoa học và kỹ thuật tương đối sơ đẳng nhưng hiệu nghiệm, để từ lực cách sinh một cách nhân nhả để cùng một lúc quét dần những thói rêm và dãi các, ngụy biện, làm giàu tất văn văn... nguyên là mầm mống của tham nhũng đang đục khoét nước Việt Nam ta."

Về đường lối hoạt động ông Tuấn cho biết đại khái :

"Chúng tôi sẽ cắt nghĩa Hội sẽ chú trọng nhiều về việc dùng các phương pháp khoa học và kỹ thuật tiên tiến để hợp lực với đồng bào ở Bắc Mỹ trong việc giúp đỡ nhau và giúp đồng bào ở nhà nhất là các đại học và các đảng không phân biệt là còn đi học hay đã thôi rồi."

Nghe đầu hội dự định quyên lới vài ngàn Mỹ kim để mua ba cái máy in ứng hộ cho các viện Đại Học Sài Gòn, Huế và Cần Thơ. Công việc mới bắt đầu nhưng kết quả nhiều nưà hen.

Cũng mong công việc làm của nhóm sinh viên Việt Nam nói trên thành và để đồng bào trong nước bỏ được cái ý nghĩ sinh viên Việt Nam du học phần lớn đều là những con nhà giàu trốn lính hoặc sang Mỹ tiếp xúc với cái văn minh vật chất ít lâu say mê pom, nho, hamburger hơi dog để trở thành những người vọng ngoại và vong bản.

Khởi Hành

TUẦN BÁO HỌC VĂN NGHỆ THUẬT
RA NGÀY THỨ NĂM • CHỦ TRƯỞNG
HỘI VĂN NGHỆ SĨ QUÂN ĐỘI • GIẤY
PHÉP XUẤT BẢN SỐ 3581T/BC
NGÀY 26-3-69 • TÒA SOẠN VÀ TRỊ
SỰ 225-227 PHẠM NGŨ LÃO SAIGON
ĐT : 25.863

Chủ Nhiệm, Chủ Bút
ANH VIỆT
TRẦN VĂN TRỌNG
Phụ Tá Chủ Nhiệm
HY VÂN
Thư ký Tòa soạn
VIÊN LINH

Bộ Biên Tập Thường Xuyên
TÔ KIỀU NGÂN • LÊ ĐÌNH
THẠCH • HOÀNG NGỌC LINH •
ĐẶNG TRẦN HUAN • NGUYỄN
H. THÔNG • DƯƠNG TRỮ LA
VỀ
NG. HỮU NHẬT • LƯU HUỖNH
TRUYỀN • NGUYỄN HẢI CHÍ

Trình bày bìa và ruột
VIÊN LINH

Thư từ ngân phiếu đề tên
Chủ Nhiệm • Bài vở đề tên
Thư ký Tòa soạn • Giá 20đ.
mỗi số • Công số giá gấp đôi.

Bài vở gửi cho Khởi Hành xin miễn
gửi cho báo khác, và ngược lại •
Tòa soạn không trả lại bản thảo nếu
không có lời yêu cầu.



SÁCH BÁO MỚI

THẦN THOẠI ẤN ĐỘ.— Trong
Tuyển Tập Văn Chương Nhi Đồng
do nhà văn Đoàn Quốc Sỹ sưu tập
và dịch thuật, Sáng Tạo xuất bản.
Tuyển Tập này hình như đã xuất bản
được vài quyển, quyển này (Thần
Thoại Ấn Độ) là tập 3 a. Sách dày
140 trang, giá 140 đ.

ĐỊNH HƯỚNG.— Nguyệt san
đại đội 202 CTCT do Đ/ủ Phan Nhơn
chủ trương biên tập. Ban biên tập
gồm Nguyễn Cẩn, Văn Hải, Từ Diễm
Chương, Sao sao, Hoài Thương Thy,
Duy Thiện, Nghiêm Sa, Tường
Nho Quang.

Một tập san in ronéo nhưng trình
bày rất đẹp.

NHỮNG BÀI THƠ MÙA
THU.— Thơ của Nguyễn Như Mây,
Văn Nghệ Hồng xb. Viết tay. Phát
hành ở Phan Thiết 1970.

20 BÀI THƠ LỤC BÁT.— Thơ
Thế Hồng Lam. Bằng Hữu 1970 xb.
Ronéo.

THƠ ĐIỀN.— Thơ tuyển của
một số Đã, và Đang Điên có tên
sau đây :

Thiên Quang, Thích Áo Giấc,
Hồng Đức Tâm, Lê Hoàng Thủy,
Phan Trần Từ Hương, Bài Giảng,
Nguyễn-Ngu-Í.— do các bác sĩ tại
dưỡng trí viện "B.S. Nguyễn Văn
Hoài" thực hiện: Nguyễn Tuấn Anh,
Tô Dương Hiệp, Trịnh Văn Lang.

DUY NĂNG

VÀI Ý KIẾN VỀ THƠ

Nhà thơ Duy Năng tên thật là Nguyễn Văn Trí, Thiếu Tá, hiện phục
vụ tại Trường Hạ sĩ quan QLVNCH, KBC. 4.311. Đã xuất bản
Giác Ngủ Chân Đeo (1963).

I.— Nhận định đầu tiên của tôi
là từ năm 1954 đến nay, Miền Nam
đã được phát triển mạnh về thi ca,
phát triển đến độ no ứ, ồm ồm. Tôi
không thấy một tờ báo nào là không
có thơ, từ tập chí, tuần san, đặc san
đến nhật báo, thơ được viết dưới
mọi thể và được đăng đầy đủ. Tôi
có cảm tưởng là ai cũng sáng tác
được. Chỉ cần ghép vần cho đúng
giữa 1 câu sáu và 1 câu tám là làm
được thơ lục bát và chỉ cần nghĩ sao
viết ra thể với câu dài, câu ngắn là
nào thành một bài thơ tự do !

Với cái nhìn chung như trên:
thơ có "tiền" về lượng mà phẩm thì
chẳng bao nhiêu. Thêm nữa, giữa
rừng thơ sung mãn đó, không tìm
được bao nhiêu tác phẩm thơ có một
ngôn ngữ riêng, nói rõ hơn, là có
những nét đặc thù, mà không phải là
thi sĩ thì không thể nào có được. Và
bởi lẽ đó, tôi nghĩ là anh cũng đồng
ý rằng, chúng ta đọc 100 bài thơ thì
đã chín mươi bài giống nhau; cũng
quần quanh trong những ý tưởng
than van, oán ghét, gờm nhóm chiến
tranh; đề cao ca tụng đời sống chính
chiến một cách lễ bệch nhiều tưởng
tượng hơn là sự thật; than thở xót
xa về những gặp gỡ chia lìa, giữa
anh trai tiền tuyến và em gái hậu
phương; chê bai, từ bỏ tâm hồn và
thể xác mình khi phải đương nhiên
dấn thân vào cuộc ngựa nghiêng
chung của đất nước, làm như thể
con người mình sinh ra là một thực
thể cá biệt, riêng rẽ, không can dự
vào đời sống này và không ai được
quyền chạm đến v.v.v.

Tôi cũng không đồng ý khi
dùng chữ thơ Quân đội. Tôi nghĩ
rằng chẳng có thơ nào là thơ Quân
đội mà thơ nào là thơ Dân sự cả.
Chỉ có thuần túy Thi Ca, và người
thi sĩ thì sáng tác không cần nghĩ
rằng mình mặc quân phục, mình phải
viết những gì về đời sống người lính.
Nhà thơ có thực tài, cho dù ở vị trí
nào tâm hồn vẫn nặng chất thi sĩ
để mà nhìn, nghe, cảm thấy, linh ứng
trước sự việc xảy ra, để sáng tạo nên
những tác phẩm cho đời, những tác
phẩm nói lên những gì mà người
thi sĩ mong ước và có tác dụng ở
một khía cạnh nào đó, là cũng tùy ở
nhà thơ đó mạnh nhà chủ đích từ
lúc thai nghén đến khi sáng tạo. Đời
sống Quân đội có rất nhiều cảm hứng,
đó là một đời sống rất phong phú,
xúc tích và dĩ nhiên người thi sĩ
không thể không rung động khi nhìn
vào đó, khi thực sống vào đó để hình
thành tác phẩm.

II.— Tôi không dám nghĩ là
Quân đội chưa có một tác phẩm thi ca
nào đáng kể dù của cá nhân hay
tuyển tập. Tôi còn có ý nghĩ trái lại
nữa là khác. Tôi không dám nghĩ như
vậy là nhận định theo thực chất của
các nhà thơ đang phục vụ trong Quân
đội. Và bởi lẽ đó, tôi dám khẳng

định là không phải do sự yếu kém
của thi ca Quân đội.

Phần lớn những nhà thơ có chân
tài thực sự đại diện cho nền thi ca
Việt nam từ năm 1954 đến nay như
tôi vừa chủ quan góp ý kiến nêu ở
câu I trên, là những ai, nếu không
là những nhà thơ mà vì hoàn cảnh
đất nước đã và đang phục vụ trong
hàng ngũ.

— Cho nên giữa đồng cát ngồn
ngang, những viên sỏi đẹp, quý, có
vóc dáng khác lạ, thì bây giờ cũng
được nhận thấy rõ ràng và trang
trọng đề đón nhận. Tôi nghĩ đến
những thi sĩ từ năm 1954 trở lại
đây, có chân tài và một vốn liếng
tâm hồn phong phú đã thực sự xây
dựng, tô bồi cho nền thi ca Việt Nam.
Những thi phẩm của nhóm Sáng Tạo
Lửa Việt, Bách khoa, Văn học, Quân
chúng v.v.v. cùng những thi phẩm
của các nhà thơ có thực tài thực chất
vời tác phẩm đã xuất bản hoặc chỉ
mới đăng trên báo mà chưa in nổi
thành tập, mà tên tuổi hoặc đã được
mọi người biết đến hoặc còn âm
thầm mai một, (tôi xin được khôi
nêu tên những thi sĩ này vì sợ kẻ ra
không được đầy đủ và cũng vì lòng
kính trọng sự khiêm tốn luôn luôn
có của các vị đó); chính đó mới là
công trình tài của của Việt Nam từ
năm 1954 đến nay.

III.— Tôi nghĩ là khởi thủy, thi
sĩ không có ý định chọn hẳn một
trường phái. Nhưng trường phái của
mỗi nhà thơ nếu có, đã hình thành
qua hai ngã :

a)— Mỗi nhà thơ dĩ nhiên có
một cá biệt, họ nhìn, họ nghe, họ cảm
nghĩ, họ linh ứng sự việc theo cảm
quan riêng, tâm hồn riêng của họ.
Họ sáng tạo theo khía cạnh nào đó
và chỉ có khía cạnh kia mới là đặc
thù của họ. Từ đó họ khác hẳn hay
giống những thi sĩ khác. Trường
phái của họ phải chăng từ đấy mà
rõ lên ?

b)— Các nhà phê bình văn học,
về sau, đọc và phân tích các nhà thơ,
mới sắp xếp các nhà thơ vào mỗi
trường phái và từ đó, người đọc
mới quan niệm được rõ trường phái
của mỗi nhà thơ.

Còn vấn đề anh hồi nhà thơ
có cần ở trong một nhóm hay trong
một hình thức tập hợp nào đó thì
thật khó trả lời. Không ai phủ
nhận được những Khái Hưng, Hoàng Đạo,
Tú Mỡ... đã có được hoàn cảnh thuận
lợi để tạo nên sự nghiệp văn chương
khi cùng kết hợp trong Tự Lực văn
đoàn, hay Trương Tửu, Nguyễn Bách
Khoa, Nguyễn Đức Quỳnh trong
nhóm Hàn Thuyên Nhóm hay đoàn
như vậy cần có sự kết hợp của chỉ
hướng trước tiên, đương nhiên làm
việc có sự hướng dẫn, có đường lối
nâng đỡ thực sự không kể đến thực
chất tài năng phải có của mỗi cá nhân.
Còn trái lại chỉ là hình thức, chỉ là

Xem tiếp trang 15

ĐỌC «NGÃ ĐẠN» CỦA DƯƠNG NGHIÊM MẬU

« Thái độ của con người sống thực trong trò chơi : cuộc đời »... [*]

CỦO N sách mới nhất của Dương Nghiễm Mậu gồm 7 truyện ngắn, được viết trong vòng 9 năm từ 1960 đến 1969, gom lại dưới cái nhan đề chung là «Ngã đạn», theo thứ tự sắp xếp trong tập truyện là: Nụ cười (1969), Ví dụ (1964), Ngoài xa (1960), Sau vách (không đề năm), Trắng xanh (1965), Thiết lộ (1966) và Cái xích (1969). Bảy truyện ngắn này có những đề tài thật khác nhau, khác nhau rất xa, lại được sáng tác trong những khoảng thời gian rất cách quãng. Nhưng đọc hết cuốn sách, tôi thấy dụng ý tác giả không phải là kể những câu chuyện nhất định nào đấy, mà là diễn tả những tâm tưởng, bày những trạng huống tinh thần, xác định qua các nhân vật một thái độ. Và thái độ này, qua những truyện khác nhau, luôn luôn thống nhất; thái độ của kẻ coi cuộc sống như một trò chơi. Một canh bạc, hay một ván cờ, chẳng hạn. Và trò chơi nào cũng vốn là một thử thách, của những kẻ ganh đua với nhau trong cái trò chơi đó, nghĩa là trong trò chơi có sự cố gắng, sự phấn đấu, nên kèm theo ý thức về thắng bại, thua cuộc và được cuộc đối với chính dự định của mình cũng như đối với kẻ khác và đối với cái cuộc đời rộng lớn này nói chung. Cái ám ảnh về cuộc đời như một trò chơi cứ tới lui mãi nơi tâm trí các nhân vật của Dương Nghiễm Mậu qua tập truyện này. Ngay ở truyện đầu tiên — «Nụ cười» —, nhân vật chính là một người đàn ông bị bệnh ung thư, đã trải qua một quãng đời phiêu bạt ngang tàng suốt ba mươi năm, đang ngồi chờ chết, bình thần nhìn lại dĩ vãng và ông ta nói với một người bạn học cũ nay là một linh mục, người bạn cuối cùng còn lại để nghe ông ta tâm sự trong trạng thái tỉnh táo nhưng không tin tưởng ở một mãnh lực siêu nhiên nào: «— Anh thấy, đời sống cô quạnh của tôi, ba năm ngồi lại sống với những người thân, tôi nhìn suốt lại gần ba mươi năm của đời mình và tôi mỉm cười, bạn bè chỉ còn lại mình anh, người ở ngoại cuộc... — Không còn ai... — Cũng còn một hai người, nhưng bạn tôi đều đã chết, còn lại đó là những người hôn nhân, sống cũng như đã chết, anh nghĩ coi, nếu còn lựa chọn, có lương tâm để đương đầu làm sao người ta thoát ra được một cuộc chơi vừa ngay thẳng vừa gian lận kẻ dài hơn cả ba mươi năm...» (trang 16, tôi gách dưới). Toàn thể cuộc sống được nhân vật coi như một cuộc chơi trong đó mọi người phải có ý chí, nghị lực, để phấn đấu, để đương đầu. Nói khác đi, cuộc sống là một trò chơi thật phức tạp, một thử thách cam go. Và thâm kịch cũng nảy sinh từ đó, thâm kịch chỉ là kết quả của sự nhập cuộc (vào trò chơi lớn là đời sống). Nhập cuộc vào trò chơi là chấp nhận mọi may rủi, là sẵn sàng tiếp đón mọi bất trắc tráo trở, bởi cuộc chơi vừa ngay thẳng vừa gian dối như nhân vật đã xác nhận. Chơi cái trò chơi cuộc đời là làm một cuộc săn đuổi, để nhận diện hư ngụy và chân lý lẫn trốn trong nhau, hẳn tay chơi là con người nhập cuộc chơi có lúc đành nhận lấy những thiệt thòi chưa xót nhất cho mình. Hãy nghe người đàn bà đau khổ trong truyện «Ví dụ» nói với người tình đã lợi dụng nàng bằng «bức màn ảo tưởng mà hắn đã tạo ra cho cuộc chung sống giữa hắn và nàng: «Tôi dự sức để đối địch với cái hiện tại đây. Và anh nữa, trước mặt tôi, hãy lấy một lần, và cuối cùng anh sẵn lấy vai trò của anh xem, một người can đảm dám sống thực, dám đối địch, kháng cự với đời sống. Không cần phải tìm chỗ trú ẩn, dù ở đâu (...) Tôi biết chất tôi, tôi biết chắc anh không thực gì với tôi và ngay thực với anh nữa. Cái

giọng anh nói cũng là một cách lừa dối, bao nhiêu kẻ đã và sẽ nói: thiếu em anh không thể sống được, hoặc thiếu anh em không thể sống được. Bọn lừa bịp, bọn giả dối. Bọn nó vẫn sống nhăn, vẫn khỏe mạnh. Tôi thừa biết» (trang 39). Tôi thừa biết cái trò chơi đầy giả trá đó, nhưng làm sao tôi dám sống thực hết mình với nó, đương đầu nó cho nổi? Một chấp nhận kèm theo một đề kháng, đó có lẽ là điều mà Dương Nghiễm Mậu muốn gợi ra về thái độ sống, thái độ của con người sống thực, trong trò chơi: cuộc đời. Thâm kịch của đời người nằm ngay trong thái độ lưỡng diện đó, trước định mệnh mà cá nhân đã chọn lựa bằng tự do của mình. Nhất là trong tình yêu: hạnh phúc, đau khổ và sự chết gắn bó với nhau, quấn quít lấy nhau giữa lòng tình yêu lựa chọn hay hứng nhận như trò chơi bất trắc thường xuyên: «Mối tình đã qua, tư tưởng trong đầu một kẻ đã lựa chọn. Như kẻ đã cho thuyền đổ lại một bến sông nhìn theo con nước chảy... không muốn lựa chọn. Con nước chảy dưới gầm cầu, sợ dây chằng chịt, mái chèo gác em, cánh buồm hạ xuống. Con nước còn cao, gió bão ào ạt. Không dừng lại. Tôi muốn nói: em đâu có chết, em còn sống đó và hạnh phúc của em. Dù thế nào anh cũng thấy đó là một sự cố thực. Anh gọi đó là hạnh phúc, dù có thể đó không phải là hạnh phúc. Nhưng làm thế nào

trở». Vì thế càng thiếu hụt, cuộc sống càng ràng buộc con người, như những nước bài càng lạ, sự may rủi càng hứa hẹn biến chuyển hào hứng và mỗi chúng ta «vẫn không thoát khỏi thân phận thăng hê bám chân trên sợi dây căng cao nhìn xuống và cười» đề rồi «sẽ rơi ngã xuống đó» (trang 54). Vậy còn lại gì ở trong giấc mộng đời hoang mang, choáng váng đó? Còn lại những cơn mơ hỗn độn, những tưởng tượng điên cuồng, tan tác, còn lại với nhân vật: «cảm tượng nếu bây giờ chút đất liền này tự nhiên tách ra làm đôi thì tôi dù muốn sống cũng không còn đủ sức chạy trốn hay kêu la. Khi đất liền tan dần, mắt dần tôi cũng tan theo nhưng chắc cảm giác đó ngọt ngào, dịu dàng lắm» (truyện «Ngoài xa», trang 58). Và tất cả tấn tuồng sống sẽ qua đi, sẽ mất hút: con người là loài vật biết tiêu thụ kinh nghiệm sống bằng ý thức về thời gian trôi chảy. Đầu thương hay hạnh phúc rồi cũng có lúc được xếp lại như những lớp áo xưa trong tủ kính viện bảo tàng, ở đây là trí nhớ. Nỗi ngậm ngùi còn lại khi tắt đèn trở giấc ngủ: «Tôi cảm chiếc vé này nên tôi phải đứng dậy nhìn một sự thực đã mất hút — tôi lần bầm nhai xuống đường rầy: từ hai mảnh sắt này mang tôi và trôi đi đời sống ngự trị trên sự tìm đến và trôi đi ấy nên con người là một sự chịu thua. Ta chẳng thể giữ, hay trôi theo được. Những tội lỗi đến và đi như thế. Những cao cả nhìn ngó xuống đây lẽ nào chúng ta không biết — mà sự thật chúng ta đã làm ngơ trước nó. Anh chẳng trách em, chẳng trách anh. Chẳng vì chúng ta là kẻ đồng lõa» («Ngoài xa», trang 65): Con người là một sự chịu thua, những chữ này nói lên sự chịu đựng. Chấp nhận trò chơi bằng đời sống là một thái độ khác kỷ. Nhưng nhân vật của Dương Nghiễm Mậu «muốn thua hoặc được một cách đầy đủ» vì «không bao giờ nhận sự khoan hồng của địch thủ» (truyện «Ngoài xa», trang 67) chịu thua, nhưng nhận cuộc sống thử thách gay go và cái chết đe dọa, nhưng không đầu hàng, không bám vào một thể lực nào, một quyền năng nào, là thái độ của nhân vật chính trong truyện «Nụ cười» kiểu hãnh và nhún nài: «Tôi biết rõ giới hạn của đời sống, khoảng hư không cuối cùng chờ đợi, nhưng không phải vì thế mà tôi thấy cần thiết tìm kiếm một hy vọng cứu chuộc. Tôi chỉ có lương tâm tôi. Có thể không phá vỡ mà hết được... Gần ba năm nằm lại trong căn nhà này, bên vợ con, tôi biết giới hạn của đời sống mình, nhưng tôi không thấy có điều gì phải ân hận, nếu không muốn nói là hài lòng. Tôi hỏi thật anh: có phải tôi là một con người kiểu ngạo đáng ghét không?» (trang 14). Ý thức tự chủ đơn độc và khước từ quyền năng siêu việt ở đây không phải là sự đề kháng suông và chấp nhận hảo vi chúng thực sự phát xuất từ lòng tin ở con người, chỉ dành cho con người. Lòng tin ở nỗ lực xây dựng của con người, đó là lòng tin tích cực, làm hé trên môi một nụ cười hàm chứa bao nhiêu tình thương: «Mê dưới gần bờ sông, nơi đang xây cất cây cầu những công nhân đang làm việc. Khi con đường được mở rộng, cây cầu được bắc xong... Người chồng nói: ít ra tôi cũng có may mắn được nhìn thấy, có khi tôi sẽ thấy công việc xong nữa là khác...» (trang 24). Tôn giáo của nhân vật là cuộc đời, cuộc đời được chấp nhận và vun trồng bằng

(Xem tiếp trang 14)

(1) «Ngã đạn», tập truyện của Dương Nghiễm Mậu, nguyệt san Tân Văn số 25, 1970, 128 trang, đề giá 40 đồng.

NGUYỄN NHẬT DUẬT



MỖI TUẦN ĐỌC MỘT CUỐN SÁCH

được khi anh ở ngoài nó. Nàng đã chết thật sao («Ví dụ» trang 45). Nàng chết hay nàng không chết, hạnh phúc đó hay là bất hạnh? Trả lời, chỉ có «ánh trắng mờ hồ như một màn sương bao phủ, màn sương đục như một ánh sáng một căn phòng hòm nào đã ngời» (trang 45), Ánh trắng tự nó không có thật, nó chỉ là phản ánh, nó hư ảo, mơ hồ, lung linh biến chuyển như màn sương. Ý nghĩa của trò chơi, cuộc đời, tình yêu, không có gì nhất định, bất biến. Và trò đời do đó chỉ là một trò hư hoặc. Toàn thể truyện «Ví dụ» đầy những phẩm từ và hình ảnh: mơ hồ, mờ nhạt, bàng bạc, ảo tưởng, vẩn vẩn, để diễn tả tâm tưởng hạnh phúc và khung cảnh của nó. Cái huyền ảo của tình yêu, những hứa hẹn của hạnh phúc, những thay đổi ý nghĩa của cuộc đời, ấy chỉ là những cái «chẳng hạn», những cái «ví dụ», bởi chúng có thể chỉ giản dị là «những ảo tưởng vẽ ra chung quanh một hạnh phúc có thật và bởi «mỗi kẻ tạo thêm một hạnh phúc dự trữ». (trang 45), có thể nói «Nhiều hạnh phúc dự

«*Bài nhũ Xương giang của Lý Tử Tấn nhắc lại chiến công anh liệt lấy lại thành Xương giang do quân Minh chiếm đóng... chiến công đó làm cho ta nhớ đến Điện Biên phủ ngày nay*» (1) (2)

«*Ngày nay tình thế đã đổi mới. Tư tưởng Nguyễn Bình Khiêm do đó có nhiều chỗ không thích hợp với xã hội Việt Nam hiện tại*» (1) (2)

«*Các địa danh như sông Tô lịch, đền Bạch mã, phố cầu đông, Chùa Ngọc hồ... làm cho màu sắc dân tộc của truyện được đậm thêm và làm cho người đọc cảm thêm quyền uy nơi đất ngày nay là thủ đô nước Việt nam dân chủ cộng hòa*» (1) (ST q. V, tr.80.).

Và : «*...Lâm truyền kỳ ngộ văn hiền hiền được một phần nào chủ nghĩa nhân đạo của nhân dân. Tất nhiên ngày nay, dưới chế độ ta khi vấn đề hạnh phúc cá nhân được giải quyết...»* (3)

Xin lưu ý rằng chúng ta đang đọc những giọng văn học sử nghiêm chỉnh! Người ta sẽ tìm thấy trong các tác phẩm nghiên cứu văn học nghiêm trang này vô số những trường hợp khôi hài đen như vậy.

Bất kỳ chỗ nào bất cứ lúc nào người ta cũng tìm cách «choang» vô cho được những câu hạ bút rất nên thơ và hiện thực cỡ như vậy.

Hình như khôi hài đen không phải chỉ là sáng tác phẩm của thế giới tự do, các nhà nước Cộng Sản cũng biết chơi môn này trội lắm. Bởi thế, các nhà làm văn hóa miền Bắc đã nhiều lần khẳng định rằng công trình khảo cứu của họ chẳng qua cũng chỉ là đi theo đường lối của các nước dân anh mà thôi.

«*Chúng tôi vẫn coi sự phân chia ra thế kỷ là những cái mốc để dựa vào đó mà phân định thời kỳ lịch sử văn học của chúng tôi là khoa học. Chúng tôi thấy ở Liên Xô các nhà biên soạn lịch sử văn học đã làm như thế*» (ST. q. V, tr. 1.).

Nếu đã nhận như vậy tại sao những người ngoài kia đã quá nặng lời với mớ thanh từ sắc mùi tuyên truyền của họ? Điều đó, không ra khỏi ý nghĩa của màn lưới kiểm duyệt và chỉ đạo của chính quyền. Triết lý Mác-xít người ta đã là làng từ lâu rồi coi chừng nó là con dao hai lưỡi nếu không càng ngày càng chuyển hóa thì sẽ có ngày chính Marx nếu còn sống cũng sẽ bị đồ để làm cho phải tầu hỏa nhập ma ngay. Thế nhưng những nhà làm văn hóa miền Bắc không cần đề ý đến điều đó, họ vẫn lì lợm đeo đuổi một trò chơi cô đơn, quật mồ hôi cổ những ông cụ đồ Nho ngày xưa lên hạch hỏi và chụp cho họ vô số những cái mũ giấy vẽ với đủ kiểu :

«*Nhưng do chỗ xuất phát từ một triết lý duy vật mớ mớ, hẹp hòi, từ lập trường bấp bênh, từ thái độ bàng quan đối với cuộc sống nên tác giả đã chọn đề tài và tạo trường hợp đấu tranh ít có tính cách điển hình xã hội...*» (ST q. II, tr. 335)

Chưa bao giờ dám nhân vật trong «Trẻ cóc» lại lộ vẻ thâm hại và đáng thương với cái gọi là triết lý duy vật «mớ mớ» của chúng như vậy. Một người sống ở thế kỷ 20 lại «viễn mơ» về một người khác sống cách đó trên 400 năm và gọi người đó là «viễn mơ» trong một thứ văn chương «viễn mơ»! Người đọc phải tự hỏi ai đã «chọn đề tài và tạo trường hợp đấu tranh», nhà văn hay nhà phê bình hay những thế lực rình rập sau lưng nhà phê bình? Chính những thế lực đó đã dẫn nhà phê bình đi rất xa, quá xa đến nỗi lênh ra khỏi con đường dành cho họ. Trong tác phẩm «*Lục súc trnh công*», những giống vật được nhân cách hóa ở đây đã được gán cho những biểu tượng thật sôi nổi và độc đáo : Chó là «đại biểu

cho bon chân tay thân mật và đáng tin cậy của phong kiến địa chủ», ngựa là «đại biểu lực lượng vô trang của giai cấp phong kiến», dê là «tay sai của giai cấp phong kiến địa chủ chính trị», gà là «tay sai của giai cấp phong kiến trong những việc tuần phòng canh gác, lợn là «đại biểu của giai cấp phong kiến ở địa hạt tôn giáo».... Hình như tác dụng của đoạn văn trên nhằm đàn áp độc giả, làm người đọc thấy chột da mắt lờ mờ lết dòm quanh coi có công an ở đâu đây không hơn là nói về một tác phẩm văn chương. Khó có thể nói rằng họ đang làm văn học sử, phải nói là họ đã bày đặt ra văn học sử? Ngược lại không phải họ đã bày đặt ra giai cấp nhưng chính họ đã bắt buộc tạo ra những giai cấp sao cho hợp thời. Có lẽ những người ngoài kia không làm văn học sử vì văn học sử, vì sự thực nhưng họ làm văn học sử vì Đảng, vì mấy ông Trùm kín, vì cách mạng dân ta, vì lòng yêu nước và nói đến lòng yêu nước thì :

«*Tất nhiên nội dung của lòng yêu nước có*

KHÔI HÀI ĐEN



NGHIÊM Y VA CAO HUY KHANH

thay đổi từ đời này sang đời khác, đối với giai cấp này và giai cấp khác.» (HVTVT, q. II, tr. 145)

Lập trường này có vẻ rất rành, bao dung nhưng chính cái sự bao dung đó là một thứ khi giới giết người độc địa bởi vì không ai còn có thể chọn được cho mình một lòng yêu nước nhưng đã có người khác chọn họ mình rồi. Dẫu sao điều này cũng mang đến một kết quả đáng buồn cho chính tác giả những công trình trên : qua một thời khác, một thời thế đổi thay xuôi ngược ngược xuôi nào đó nội dung lòng yêu nước nó thay đổi đi thì làm sao nói dung những tác phẩm Văn Học Sử yêu nước này có thể đuổi kịp và tồn tại? Sống trong một chế độ căng quãn, giữa một bầu không khí nặng nề như vậy phải chăng các nhà học giả này đang vô tình dần dần biến thành những nhà tiên tri cho chính mình? Có một câu tâm sự lẽ loi đáng nên đề ý :

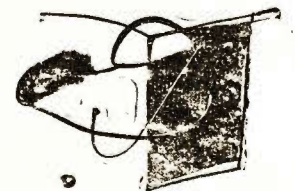
«*... Cũng như một số thơ văn lễ tề của một số nhà Nho đương thời khác không tiện kê vào đây*» (ST, q. V, tr. 143)

Tại sao lại đến nỗi phải «không tiện kê vào đây», nhất là ở trong một bộ Văn Học Sử? Vì thiếu tài liệu chẳng hay không đủ kiến thức để trình bày? Điều này rất vô lý nhất là khi người viết những giọng đó lại là một nhà Văn Học Sử lâu đời nhất nay còn sống và có

không «hăm quyền : cụ Nguyễn Công Chi», tác giả bộ sách «*VN cổ văn học sử*», một bộ sách «quyển và khan hiếm đến nỗi một sinh viên cao học Việt Hán đã trình bày giữa hội đồng giám khảo ở Saigon rằng ông phải bỏ một mấy tuần để chép tay 1-1 bộ sách lấy làm tài liệu khảo cứu! «Không tiện kê vào đây» chỉ có thể được hiểu là vì không có lợi cho chế độ, không làm hài lòng nhà cầm quyền. Về thời. Và người ta làm văn học sử theo 1 tiêu chuẩn gần dị như vậy : cái gì làm lợi thì giữ lại, cái gì làm hại thì bỏ đi. Văn Học Sử thành ra một công trình mua bán so đo hơn thiệt, tính lỗ tính lời. Hay đây là trường hợp biểu lộ một hành động phân đôi tiêu cực của một tác giả cảm thấy mình không thể tiếp tục xuyên tạc quá một cái mức nào đó nữa?

Làm một công việc phê bình như các nhà phê bình miền Bắc thật cũng không lấy gì làm khó. Chỉ cần một trí thông minh trung bình, khéo léo xoay sở sao cho hợp với cái khung định sẵn là xong. Cái gì cũng đều đã được làm sẵn hết rồi, từ nhập đề cho tới kết luận. Tội nghiệp cho bất cứ tác phẩm nào lọt xuống dưới cái kính hiển vi của họ, chúng có ba đầu sáu tay cũng không chạy vượt đi đâu được hết. Văn Học Sử thành ra một nhà tù chung thân mà các tác giả tác phẩm hóa ra là những tên tù nhân đồ chết dở sống và độc giả là những người đồ khóc đồ cười. Hình như cái chữ được các nhà văn hóa miền Bắc ưa thích nhất là «nhất định» trong truyền thống của triết lý «*ta nhất định thắng địch nhất định thua*». Cái gì cũng «nhất định» hết ráo. Hãy thử xem : nói về Nguyễn Công Trứ thì «*ông có một ảnh hưởng nhất định đối với các nhà văn sau này*» (ST, q. II tr. 245); «*Triết học Lão Trang về hồi thế kỷ XVI ở Việt Nam không những có ảnh hưởng nhất định*» thích được...» (ST, q. II, tr. 260); Về Nguyễn Bình Khiêm thì «*Thái độ nhân của ông chỉ có tác dụng nhất định ở vào một thời đại nhất định mà thôi*» (ST, q. II, tr. 270); «*Thiên Nam ngữ lục đã thành công tới một hạn độ nhất định...*» TNNL còn thành công tới một chừng mực nhất định...» (ST, q. II tr. 289); nói về «*Trẻ cóc*» thì khác ; «*Điều đó tạo nên những nhược điểm và khuyết điểm nhất định của tác phẩm*» (ST, q. II, tr 330); về Bích Câu Kỳ Ngộ thì «*Truyện BCKN là một tác phẩm văn học có một giá trị nhất định*» (ST, q. V, tr. 82); hoặc bàn về những văn thơ bằng Hán Văn đời Lý Trần, Hậu Lê thì là «*...những văn thơ đã trích dịch in trong ba tập đầu có một giá trị tư tưởng nhất định*» (HVTVT, q. II và III, tr. 145)....

Có thể nói những tác phẩm lý luận văn học và phê bình của học giới miền Bắc đã tạo cho người đọc một cảm giác sáng khoái và thích thú, đó là nhờ vào khả năng khôi hài cao độ của các tác giả. Người đọc sẽ có rất nhiều dịp để cười và buồn cười. Các nhà văn miền Bắc còn khôi hài ngay trong ngôn ngữ chẳng hạn như họ gọi mấy nhân vật trong «Trinh thủ» là có «chuột tính» ở chỗ nào và không có «chuột tính» ở chỗ nào. Bất cứ theo đó người đọc phải lấy làm lăm cẩm mà tự hỏi rằng những bộ văn học sử và những công trình lý luận Mác Xít ở ngoài kia có «hề tính» ở chỗ nào và không có «hề tính» ở chỗ nào?



KỲ SAU :

TÌNH TRẠNG

VĂN HỌC SỬ MIỀN NAM

- (1) Hoàng Việt thi văn truyền của Bùi Huy Bích, *Nhôm Lê quý Đôn trích dịch tập 2 và 3, tr. 146. Viết tắt : HVTVT.*
- (2) Sơ thảo lịch sử văn học VN, quyển 2, 1958, tr. 270. *Viết tắt : ST.*
- (3) Lâm Tuyên Kỳ Ngộ, *Định gia Khánh phiên âm và giới thiệu*, 1963, tr 16. *Viết tắt : LTKN*

TRANG 6

trong ý nghĩ, tôi chẳng còn ai, kể cả cái tên đôi lúc không ai gọi bỏ quên luôn. Cuối cùng mình tưởng chừng đang đứng giữa phố đông đầy người xa lạ. Tôi hít một cụm cà phê thấy ấm áp, quán vẫn chưa có khách tôi yên tâm, nếu như bà cô tôi ghé vào đây cô sẽ nghĩ thế nào về tôi, con gái mà vào quán cà phê, bao nhiêu thắc mắc sẽ hiện lên trong ý nghĩ của người đàn bà cô kính, luôn luôn sống với đạo hạnh cổ truyền, thâm trầm và bí ẩn, lý do đoàn trang, mẫu người con gái với người đàn bà như cô phải rụt rè khúm núm, phải biết nơi phải ngồi và lời nên nói. Tôi biết mẫu người như cô còn học học quanh chúng tôi, sự tự do phải hạn chế, không biết đến mức độ nào.

TIẾNG phân lực đôi rung mái tôn, tôi choáng vì men rượu hồi đêm, không biết đây là lần thứ mấy tôi uống rượu những ly rượu muốn màu trong chiếc ly thủy tinh tưởng chừng đã tan biến bởi những đổi thay ân hận khi tôi biến dạng hiền lành như con mèo ngoan bên người cô khả kính, sau những bốc đồng tôi dẹp bỏ hết uống và uống chẳng biết tìm gì trong hơi men đây vị đắng, lời tự hứa trong lương tâm để dọn đường cho những lần kế tiếp. Hoa đi lấy chồng nó dài rượu. Nhưng hôm qua Thịnh đi lính hẳn cô về chán chường trong chấp nhận, một thái độ vừa thô kệch vừa ăn năn. Nâng ly lên chúc bình an cho Thịnh. Nó nói trong nghẹn ngào, trả lại thành phố cô kính nhưng không nói rõ cho ai. Chúng tôi che miệng cười khúc khích, có lẽ lần cuối cùng này tôi mang nỗi xa xót đã trong đứng đứng thường lệ, những đứa con gái bạn tôi đã bạn bè là một dịp vui đùa vừa tiêu khiển vừa che lấp được lời bình phẩm chung quanh. Mùa đông năm kia mùa mùa hiện về, trong buổi sinh nhật cô bạn gái, Thịnh đưa tôi về rồi ôm hôn tôi, tôi nghĩ không nghĩa lý gì. Sáng này hẳn bỏ đi, tôi tần ngần cắn móng tay nhớ lại rõ ràng những lời bà cô dặn dò về con gái, lớn lên trong một kỷ cương kén kín rồi chôn vùi trong dư âm bình phẩm xóm làng.

Mặt trời lên cao rồi dưới là những bà nội trợ đã đi chợ, hai con mèo đuổi nhau rập rình, con lộ hoen lờ sát bức tường đầy rác rưởi, mấy con chó ốm đang bới tìm trong những đồng rác ngổn ngang ve chai, sắt rỉ và vỏ lon đầy màu sắc. Tất cả bạn bè tôi đi hết rồi sao? Những đứa con trai vào đời bằng ngũ lĩnh, mấy đứa còn đến trường luôn
Xem tiếp trang 14

.....

"Hơn hai mươi năm làm lính, bây giờ tôi được hưởng nghỉ hưu này đây. Vợ con tôi phải làm thuê ở đậu. Tôi thì sống để báo cô... Chỉ có rượu mới làm tôi quên những vết thương cũ trong những đêm khuya, những khi trời trở gió. Nhiều lúc tôi muốn tự vận chết phút đi cho rảnh nợ. Nhưng nhìn lại sáu đứa con còn nhỏ... Cậu là lính, rồi sau này cậu sẽ hiền."

Bây giờ người lính già đó đang cùng những người bạn ông đi đòi một căn nhà cho vợ con khỏi phải ăn nhờ ở đậu. Không biết bao giờ ông ta và những người khác cùng chung số phận có một căn nhà (những căn nhà trên đồng rác hôi thối cạnh những cao ốc ngất ngưởng). Tôi thầm cầu mong cho ông ta có một căn nhà - mơ ước cuối cùng của những người đã cho cả đời mình trong chiến cuộc này. Con tôi? Cậu là lính, rồi sau này cậu sẽ hiền". Tôi chợt sợ hãi - biết đâu hai mươi năm sau nếu may mắn còn sống sót, có thể tình cảnh tôi cũng thế thắm như người lính già này và những kẻ như ông ta bây giờ.

Mưa vẫn tiếp tục nặng hạt. Tôi xoay lưng che gió đốt tiếp một điếu thuốc

ĐOÀN VĂN NHIỀU NGƯỜI VIẾT



K H Ế I Ê M

Ở PHÍA BỜ ĐÁ

Đứa con trai khum người, vỗ nước lên mặt. Cát vàng khô ở dưới chân, nóng ran. Vài chiếc thuyền đậu chụm vào nhau trên một khoảng nước đen thẫm. Biển ngợp mình trong cái bao la, vô tận. Mặt nước xao động bởi những đợt sóng nhỏ, tung tóe ở phía những bờ đá. Bãi cát mờ chóa, thoải, lời lờn những dấu chân. Trên một bậc dốc cao, người đàn ông đắm mắt theo những cánh buồm đang lùa quất đằng chân trời. Nắng rơi chói, muốn vỡ ra mệnh mông. Đứa con trai đứng dậy, đi dọc theo ria nước. Cách một quãng ngắn nữa là con đường chạy vòng quanh chân núi. Phía dưới, những tảng đá chồng chất và trơn nhẵn. Đến cuối bãi, đứa con trai rẽ băng qua nền cát. Người đàn ông đứng bất động, tóc rối tung.

Hai người bắt đầu đi lên con đường dốc. Người đàn ông cao lêu nghêu, những bước chân chậm, đều càng lúc càng bỏ xa chỗ cũ. Con đường chạy ngoằn ngoèo, đôi khi thu hẹp, giáp với biển xanh mệnh mông. Mặt trời treo cao không gian chìm ngập, một mù trong hơi nước mung lung. Sóng đưa đẩy dồn dập, không ngừng. Bãi cát hạ thấp, nhỏ nhói, lệch nghiêng, cũng vẫn không một bóng người. Đứa con trai che tay, nói:

"Chúng ta đến chỗ bờ đá."

"Như hôm qua."

Đứa con trai quay lại, ngạc nhiên:

"Ở đó có dấu chân chim và những vỏ ốc đẹp."

Người đàn ông không một xúc động. Nhưng đứa con trai có vẻ mặt vui mừng, rạng rỡ. Cả hai đi mãi miết, đến một lúc; không còn thấy bãi cát lồi lõm ở dưới thấp. Chỉ còn trời xanh và biển xanh. Với rêu đá hỗn độn và bần thiêu.

Đất dưới chân khô ran, đầy phũng đầm đá vụn. Người đàn ông đưa mắt về một hướng, bất động. Đứa con trai đi loanh quanh bên những phiến đá màu nâu nhạt, nhấp nhúa và nóng dầy. Biển, vẫn những đợt sóng nhịp nhàng và đều đặn, vài cánh buồm xa, mù. Bờ đá rải rác, nổi lên nền cát mịn, phẳng với những mảnh ốc vỡ dẹt vào, làm thành những đường rìa nhỏ. Bên hông là ngọn núi dựng đứng, xanh và gập ghềnh. Trên lưng chừng, vài chiếc lều vải căng khua dưới tán cây, nép mình theo bờ dốc. Thấp hơn là con đường chằng dãi, đào xới, ngoằn ngoèo: với cọc và dây thép gai. Một người lính đứng chờ vợ. Rồi hai người. Ba người. Họ đi lại và làm mãi một động tác. Không nhìn được rõ mặt, không cả những đôi mắt, sóng mũi, chỉ thấp thoáng những vết đen mù mờ, xa khuất.

Họ bắt đầu đi chuyển, rất nhanh, theo con đường mòn gập ghềnh. Những túp lều úp sát, bị

bỏ lại, không còn một xao động. Gió bay khô, nóng và nhẹ. Họ đi mãi, quanh co lên cao hơn. Rồi một lúc sau, họ biến mất ở bên kia một tảng đá lớn. Đứa con trai neho mắt, quay lại phía người đàn ông:

"Chúng ta xuống đây thôi."

Người đàn ông vẫn đứng nguyên một chỗ. Đứa con trai đi lần theo bờ đá. Nâng tu lại ở dưới chân, và trên không, gió từng cơn dứt quãng. Biển dao động mạnh hơn và bầu trời trong xanh. Con đường hình vòng vút, lấp lánh vài lớp bụi trải mỏng. Mặt cát ngồn ngang những gỗ mục, rác rưởi, ve chai, và cả những ống lon han rỉ. Đứa con trai bỏ lại những dấu chân không đều, nhưng lún sâu, rõ và kéo dài đến tận mé bãi. Người đàn ông nhào mình, mồ hôi đọng lấm tấm. Đứa con trai đứng chênh vênh trên một mỏm đá, phía dưới, mặt nước trong veo. Đá màu xám, cấu hẳn, đầy rẫy những sinh vật li ti. Và biển cả mệnh mông đến vô cùng.

Người đàn ông đi theo xuống bờ đá. Những dấu chân in chông chắt và lổn nhổn. Những mé cát vỡ lở, không còn thấy được hình thù, làm thành một đường dài lồi lõm. Đứa con trai bỏ một chân xuống nước khuấy nhẹ và nói lớn:

"Không thấy gì cả."

"Như hôm qua."

"Không cả dấu chân chim."

Những vang vọng đục, ngẩn, bật đi nghe mờ hồ. Người đàn ông đứng ngăm chân dưới bờ nước, nhìn mãi về phía những ngọn núi in đậm đằng chân trời. Nước xối reo, mát rượi. Nắng chói chan. Đứa con trai đi theo những bờ đá, lần mãi ra khơi, ở thật xa, chỗ mỏm đá cuối cùng.

"Rồi mai nữa. Cũng thế thôi."

Người đàn ông nói, giọng đều đều. Nâng vỏ động trên nền đường. Và cát mù. Kề đá. Những đợt nước trắng xối, những dấu chân. Mùi muối biển bốc hơi, dâng lên, cả một không gian xem âm thầm, rộng ngát. Đứa con trai đi cách quãng, lệch nghiêng. Bờ đá bỏ đằng sau, vắng vẻ, không một bóng người. Bãi cát phía dưới, rải rác vài bóng người đi lại lảng quăng. Sóng xô đuổi, ăn tràn lan từng đợt, ngẩn và đều đặn. Không có gì thay đổi. Vẫn nguyên.

Đến chỗ dốc, đứa con trai tách riêng, rồi rẽ băng qua bờ cát. Người đàn ông về bình thản, nhấp chum trong đám người lảng vảng đằng trước mặt. Bờ đá bị che khuất bởi con đường vòng quanh chân núi. Đứa con trai đến bên rìa cát, khum người và vỗ nước lên mặt.

C ON đường mịt mù như có nhiều bụi xám chạy giốn lấp lánh trên những thiên thể; nắng của một mảng lớn chiếu óng a óng ánh trên mái tôn của trung tâm chính hình Nam Kha là to : «Tốp đây, tốp đây!» Chối mắt quá, phải che tay nhìn kỹ để định rõ vị trí, mái tôn tường gạch, kiếng trong vát, cái gì của viện trợ Mỹ coi cũng đồ sộ và tiện nghi. Ở đó, con đường viền sỏi, phủ bằng những tấm xi măng ô vuông dẫn qua một hành lang mát mát, mấy cây bóng mát chứa lớn thấp lè tè bên mấy cây mườì giờ bắt đầu trở bóng. Vừa lúc chiếc xe ngừng lệch phía công.

— Mở cửa coi, mấy nhỏ !
— Dạ để tôi mở.

Nam Kha bước xuống nhìn xéo qua kia quán lá. Người đàn bà bụng chừa hôm nào nói. — «Thầy Hai, tui buồn bán gì mà lỗ không thầy Hai». Một chiếc xe tay đẩy còn vền nước sơn, chị ngồi đó. «Tui thấy mấy người như vậy nên không nỡ bán nữa». Lúc Du đẩy xe bằng hai tay đã cười khinh khất. Mẽ nói vậy chớ đạo về cha đó mà ! Bao Ruby bán 42 coca mẽ lấy 40, có bạn tao đòi đá mẽ. Nam Kha cười khi nhìn lại đôi chân của nó. Bà giờ mê cũng còn ngồi bụng như lớn hơn. Nam Kha vãi thăm cho mẽ đẻ con gái, lớn lên nó bán quán và hăm rằng bớt hồ, cười một cái cho đáng đồng tiền bát gạo. Lúc đó cũng thăm vãi chân thằng Du sẽ mọc ra như đuôi thằn lằn.

— Mày còn khoái thần lẫn không Du ?
— Để chi, đ. mẹ lâu lâu nham há Kha ?
Cười khi khi :
— Tao khoái lắm biến thành thần lẫn để chân mày mọc ra đeo xe hàng như xưa, yên đi. để tao dắt cho, đ. mẹ, biến thành thần lẫn chân không cụt như giờ, thấp thêm khúc là có thể trở thành lực sĩ điền kinh như chơi khỏi xải tay để dây cái xe kỷ lục này nữa.

Trong chớp thoáng tối miêng Du cười méo xệch, đàn xe nhất là loại Honda. Yamaha vụt qua thật nhanh. Du cúi xuống nhìn mặt đồng hồ đa quang, nhìn ở đồng hồ nhâm đếm, một hai, ba...Nè Kha, cứ năm phút mày biết bao nhiêu xe chạy qua đây không ? Mày mà biết tao công mày đi đó !

— Biết chi giống đó, thôi ông. ông công ông chưa xong, công tôi rách áo a nghe. lâu lâu nó cứ đóng đậy hoài Nam Kha vỗ vai Du làm nó chổng chổng, thôi cha, mày lấy tay ra hiệu cho xe nó ngừng coi, tôi rồi mày ! À, này cứ 5 phút là 40 chiếc xe qua đây, cứ một giờ có 480 chiếc, cứ 10 giờ... Thôi tui, con xin đi. trời tôi rồi mày, làm sao quá đây ? — Thì cứ qua, bọn nó đọng vào tao là chết cha, coi sợ gì lỗ há mày ?

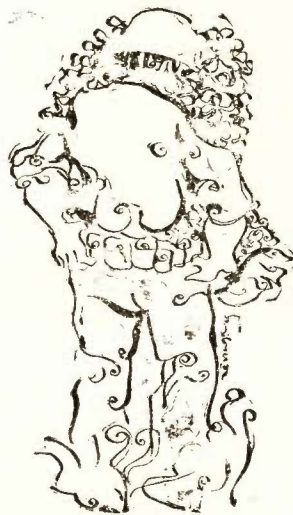
N Ó mang tên đình Tàn nhẫn. Thằng Trần đã ngã, thằng Sơn cong người, thằng Trinh thảy sinh ri nước vàng, da dính nhom nhóp vào lòng bàn tay như bùn non, những bọc nylon có fermeture được đưa lên mấy bay, đưa điếu thuốc lên môi thấy ghê ghê dù cần một thứ để tẩu uế, chiếc nón sắt nặng trĩu trên đầu. Lần thứ nhất tôi đã chạm mặt. Cây rừng độc ác, những cây non đan kín vào nhau, bô, trườn, một cây số, nằm thờ đốc, một tiểu đoàn bị đánh bật ra. Nó, đình tàn nhẫn đã nuốt nhiều linh hồn, đã nuốt người ngã xuống. Trong mây trắng trời xuống thấp, nó như vọt lên, cao ngạo ngạo. Mười ngày lương khô. Thơm chất tươi hơn đàn bò, thêm rau, cây lá, những lá sấu đầu đắng chát, chất nhờn của loại rau mát ngọt lãng vãng trong trí, đêm nằm ngủ thấy lạc qua một rầy chệt, cái trăng mịn êm ve vuốt, nỗi ước mơ lớn nhất vẫn là một thứ rau non, màu lá mạ hay màu lục bình rạp ròn ẻo lả, nhuộm xanh trí óc. nó càng thôi thúc khi nhìn lại cá như nhiều dầu hơn, thật là loại cá su bị nắng mưa mực rệu. Hơn một tháng, đã hai mươi ngày, mười ngày còn lại, tôi ngó đình cao đó. Phải chiếm xong đình, phải triệt hạ những họng súng từ khe đá bên kia. Pháo binh

chính xác. Lần này phải tăng cường thêm pháo binh để chiến. Dừng lại, đợi những bầy đạn xé gió. Ôi hương rừng, lúc chờ đợi bất gặp, một chút ngại ngùng con vào thăm nước từ bao nylon, nuốt thôi với muối, mấy con cá dâng lên khỏi cổ đầy hoai xuống mà chẳng được, thôi thì nhờ muối tổng khứ đi, cho đầy bụng. Thiếu uý Trung đợi Trường ra lệnh đi chuyển. Trong cái dật dờ ma tiếng nổ ầm pháo binh không làm tỉnh ngủ, tôi chạy lên, vượt qua một cây rừng cụt đọt, qua nhánh lia gãy chắn bên đường. Lại tiếng AK. tiếng thương liên ròn rã, ngã xuống. Tôi ngừng lại, mấy quả M 79 đưa về đó, tiếng M 60 của bên ta, Thuận nó quật thì phải biết. Khiếp. Bọn chuột đã khua. Khỏi hải. Đem đi giành một khoảng đất xa Saigon, buông ra chẳng giá trị gì. Ngồi run bên khí lạnh của mưa núi bốc lên, thả xuống một phi đạo ngân ngân, khúc nhựa đường đủ để phi cơ xoay trở, rồi xuất phát. Phải chiếm nó, ngọn đình trời tàn nhẫn. Nó cướp bao nhiêu người... Nhưng tôi đã sung sướng khi rút xuống. Ở ngọn cây cao cụt đọt, chiếc nón đỏ được đặt trang trọng. Quanh đình, mây trắng sà xuống thấp, mây chờ tiêu hành đó chơi hào quang, màu của máu, màu của chiến thắng nghiêng ngang chiếc nón trong thành phố đôi lên trên cây. Tiểu đoàn đã vượt qua, đã lam xong và trả dinh tan

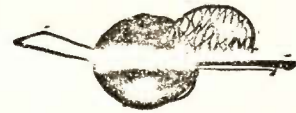
— Thằng Kha đó hả, chèn ơi, hèn lâu lắm không về, nhìn hết muốn ra. Nhứt là mấy lại bận đồ rằn ri. Đầu mày đứng ra đèn coi, vắn cao ngọn lên, chà coi bánh trái dữ d.

Mới sáng sờ đó, mới mừng rỡ đó người đàn bà bóng hời :

— Mày có biết thằng Du nó bị thương không ? Con ơi, thằng Du nó cụt hết hai chân rồi. Giọng nghẹn lại và nước mắt là chả, giống như bị nghiền hơi, muốn an ủi thêm một câu nào đó. Nó không chết là may rồi, thêm còn thấy được mặt nó. Nhưng khi gặp Du nó đẩy xe tay ở trung tâm chính hình, Nam Kha mừng rỡ thấy một khúc người có hai cánh chấp chới trên hai vòng xoay đều. Nước kim khi lấp lánh đôi con người, cái hàm răng có một chiếc răng vàng làm duyên đó lờ lờ. Khi cầm điều Lucky lên Nam Kha tưởng như chỉ cần đưa nhẹ vào đó là lửa sẽ ngùn cháy, cháy xem một bên. Cái điều có người tình đã bằng giấc cao gót có để sát, đá vào mạng mở đau thấu tâm can, Nam Kha tại nhớ đến Mận. Đưa con gái có cặp môi hồng đó, có lúc Nam Kha muốn cắn vào đó, ngậm trong miệng, ngọt như mọng dừa, như đi xa rồi, dịu thơm len qua lưỡi, đùa nước miếng sống sanh nuốt ực vào ngấu ngiến, thay khát nước :



CHIẾC MŨ ĐỎ



truyện VƯƠNG DOÃN CHI

nhấn cho Tiểu đoàn hộ binh. Khi đi tôi còn ngoái lại nhìn về mặt, mái mẽ, lửa đã rực cháy, nụ cười đã hăm nồng, thuốc kích thích chiếc nón đỏ trên đỉnh tàn nhẫn — chúng tôi đã giết, đã huất phục tàn nhẫn bằng sự hung bạo, bằng nhiệt huyết và bằng sự đều đặn của binh chủng.

Du nó bị thương trong trận đó. Tôi chỉ còn nhớ độc có đi húi tọc đó. Ôi Du, qua mấy lần đi chuyển, mất lần về ngôi nghỉ đóng ở vòng đai thành phố trại Hoàng hoa Thám. Nhảy bồi dưỡng, tiếng tằm như chực chờ từ thần, áp huyết lãng cao, nhắm mắt lại như tuột rơi vào hố sâu không đáy. Cái rơi hăng của một xé gió mất trong lực, mở bừng mắt, nằm xám đã nở trên đầu, nằm che sinh mạng, nằm đóng đậy. Nhìn xuống, phía kia là Hắc Môn, là Nhị Bình, là Quang Trung. Cả khoảng đất non rạp rền xanh ẻo lả, con rạch ngăn cách Bình Dương đục lờ lờ, chiếc phi cơ chỉ còn nhìn thấy độc nhất cái bụng nhà năm. Gió, ơi gió, tiếng như hôm nào kéo lết, chân sai khớp phải nằm trong giường chán gầy.

N AM Kha khom mình bước qua cửa. Mưa nắng, cái nắng san như vọt lên cao hơn, rướn người để chồm tới bờ rạch khô khốc. Ngọn đèn trắng vệt mù mờ. Người đàn bà ngừng nhai trầu háp háy đôi mắt :

— Ai là, tối quá không thấy rõ, ông nào 46 ?
— Tui nè, thiếu Bầy, Kha con của Tư Xứng.

— Thiếu Bầy, nước đầu thiếu Bầy, cho tôi một gáo

— Ngồi lu đó. Mấy bước xéo ra ngoài.

Đêm thả trôi thông dong với mấy con đom đóm lập lờ. Thứ đom đóm núi, nó lớn dị hợ mà đến nó thì nhỏ xíu. Đêm tối đó, Mận nhìn mấy con đom đóm, bủ tay tôi chực khóc. Tôi nín giữ tiếng nấc đó lại nhưng không ngăn nổi hai giọt nước nóng chảy trên vai, thấm vào áo, Mận, Mận. Đi năm tháng một năm rồi anh về, mình cưới nhau. Năm tháng một năm tuần tuột, thời gian thả trôi xuống dốc.

— Mận, em muốn làm vợ anh không ? Thờ gởi về, cuối thơ, anh nhớ Mận nhớ Mận. Điệp khúc đó kéo thế biết không cầm giữ được. Thử cuối viết được tiếng «Mình» tình tứ thì Mận đã đi. Du nó gào bảo : Đ. mẹ. Thứ già dè, biết nó lấy ai không, «thằng cha Khen vừa cá. Con nhỏ ra làm cá chết phơi khô, nó theo tò về hải. Mày nhớ mấy bận mình đeo xe hàng chờ cá cho nó ?

Ngọn đèn măng xông khê lửa sáng, chả ngồi trong tối ngơ ra, con nhỏ bận quần lấm lấm Mỹ A lãng lướt, chả ngó mông con nhỏ rồi tọt hóp trà hút hơi thuốc. Nam Kha nói với Tư Maniquin Anh Tư ! Gì đấy ? Anh coi thằng chả đó, nó liếc ngang liếc dọc, ngó trừng trừng như muốn ăn tươi nuốt sống con nhỏ. Con nhỏ nào ? Đó ! Đầu ? À, con Mận, con Mận, ngộ ta, thằng này ghen bầy ơi ! Rồi chuyện Nam Kha thương con Mận được Tư Maniquin kể lại với Du như một chuyện vui trong cái

neoh mắt. Cắn đó xứng. Xứng há mảy Du. Bữa nay mình nhậu. Thăng Nam Kha coi có đường hơn cha Khen. Đỗ Du, Đỗ Du. Đỗ anh Tư. Du nó nói Đỗ anh Tư yếu xiu, coi bộ thằng nhỏ buồn vì điều gì. Coi, đó mạnh chớ Du, ờ, đó, làm hết nghe, đi một hơi. Được được, tiếp đi, nó đó ọc ọc, bot sử dốt gì ra trắng trên mép. — Anh Tư toi hỏi thiệt, anh lớn, đường đời anh đi qua vậy chớ bạn quý hay đàn bà quý. Mấy hỏi gì, thằng này lạ ta. Hai thứ đều quý hết, đàn bà quý theo đàn bà, bạn quý theo bạn, mà mình muốn nói cái gì? Tôi muốn nói, ma thôi. Tao nói thêm bạn tốt dám sống dám chết vì mình thì quý, đàn bà chung tình thì quý. Đó mảy thấy, như tao đây... Du nản quá, cha ngày thường tỏ ra điệu nghệ mà bữa nay chả ot rơ lẳng xet. Nó cầm ly lên, thôi ly thứ hai chớ anh Tư. Ờ, một hai nó đi một hơi rồi đưa tay quệt ngang miệng. Ngọt ngọt, giòn ngọt như xà xị, anh Tư. Thì tiếp tục. Đi tiếp anh Tư. Nó choàng vai Tư Maniquen vô câu vọng cổ: Anh Tư ơi, có vì đâu mà anh phải dọa đây... Tư Maniquen búng tay chốc chốc rồi gõ nhịp lấy muỗng kho vào ly lạnh chan; mắt bật ủa mầu đỏ, lừ lừ như ngó Du:

— Du tao hỏi thiệt, mảy cũng thương Mạn phải không?...!

Du nó ngó mông ra mé sông, im lặng thật lâu. Ngó dợt sóng đùa trên những dề lục bình nghĩ tới mùa vắng con cá hường cá bông theo bề sức từ Nam Vang đỏ xuống. Chắc hẳn lớn cỡ đầu gối Thứ cá đó nướng trui thì phải biết. Lúc đó nó muốn trui mỗi tỉnh của nó đi, nướng mông thành hương cá khét lẹt gây ngọt mũi cổ cháy; pha chút ớt tung tung đầu lưỡi, chầu nước mắt hắt hà, nọt trời xuống cổ, cay đó nhưng nuốt không khô khan lắm vì nó có Nam Kha. Anh Tư. Nhưng chẳng Kh cũng thương Mạn. Hai đứa từ tháng lễ làm Sơn Tinh Thủy Tinh? Tại bây giờ làm gì hết, ngoao cò tranh hùng ngư ông đắc lợi. Tin tao đi, thằng cha Khen chủ vừa, hà hà, hi hi, chà chớ nó trước tại bây. Tao phải hình thằng Nam Kha mới được. O mèo mà làm điệu huê dạng như gà trống dề gà mái, phải quảy mạnh cho bu gi bắt lửa, phải quảy mạnh chớ, chỉ có mảy thì thiệt thà, nhưng mảy tính thế nào? Khó nói quá anh Tư, tui tính nhưng cho thằng Kha để khỏi mịch lòng bạn bè. Nhưng mà tui không gà chết đầu. Tui vì tình bạn, tui vì tình bạn... Tiếng Du nhỏ đề rồi lúng búng đầu trong miệng. Tư Maniquen nhìn nó thật lâu rồi bồng nắm tay nó, chai cứng đầu đầu lắc mạnh. Tao khoái mảy, mảy tính vậy cũng phải.

NAM Kha uống từng hớp như sặc sẩm nước dừa tươi. Nước dừa ngọt còn hơi mùa lá mổi. Có tiếng Thiêm Bầy hỏi vọng ra:

- Làm sao mảy về được đó Kha?
- Tui đi phép. Phép thường niên 15 ngày.
- Lần này mảy ở đây lâu chắc tia má mảy mừng.

— Mừng gì, mới dứt đầu về thì ông chăm bằm hỏi sao không đi luôn. Tui cũng muốn đi nhưng lâu lâu nhớ chòm xóm nhớ tia má tui...!

— Bà Mễ mảy không biết thương con. Đến khi như thằng Du mới ngó lại. Nam Kha ngẩn được không nói. Nếu tui như thằng Du thì chết sướng hơn! Khi bước vào thối Thiêm Bầy sứt sứt, quơ cái khăn vắn đỏ chấm nước mắt.

THĂNG Chon vừa chav vừa chữi thể vang ran. Khi đó con Nại (ông già nó khi sanh nó ra đang uống phé nại, cười, mảy muốn vậy tao cho mảy Nại luôn) chạy theo rủa chỉ làm bầm. Hai đứa chạy mót con hẻm rồi trở ra. Lúc này Chon xách thêm cái giỏ và con Nại mót chùn chụt bọc nước đá, chúng cười với nhau. Nam Kha thấy con Nại mót dữ và đưa bọc nước đá cho thằng Chon, râm rì rồi bật cười nắc nẻ, đến khi gần Nam Kha kêu lớn:

— Chon!

Thằng bé dừng lại ngó vô quán. Nó quết qua thật nhanh, cái bàn góc trong, cha chết thấy chú

Xem tiếp trang 12

thâm tâm

(1917 - 1948)



Thâm Tâm, nh "đặc nhất với hội" Tổng Biệt Hành (năm 1940) (tên thật: Nguyễn Tuấn Trình, sinh ngày 12-5-1917 (1) tại Hải Dương và tử nạn năm 1948 trên sông Đuống, trong một trận oanh tạc của phi cơ Pháp. Không ai rõ đích xác ông mất vào ngày nào nhưng theo cô thi sĩ Đinh Hùng thì "chúng tôi được tin anh từ trần cũng vào một ngày tháng 6-1948 chứng hai mần lễ sau khi anh "nhắm mắt"). (2) Như thế có thể là Thâm Tâm chết vào cuối tháng 5-1948 hoặc đầu tháng 6, cùng năm đó.

Năm 18 tuổi ông bước vào làng hát với nghề trình bày bài sách hí: báo cho nhà xh Mai Linh. báo Tiểu Thuyết Thứ Bảy... Bài thơ đầu tiên của ông xuất hiện trên tờ Tiểu Thuyết Thứ Bảy.

Thâm Tâm còn viết truyện ngắn, viết kịch và truyện dài. Tay nổi tiếng về Thơ, ông lại chưa có một thi phẩm nào xuất bản, trong khi đó có nhà Phê Thôn: Bán Nguyệt San in sẵn cuốn truyện dài là "Hát Mùa Xuân, Gánh Hát Sứ Nam". Người G & Ngựa, Thường Luồng ở Nước. Bon Trê Tân ật và Thuộc Mễ.

Thơ Thâm Tâm (đường như) một bút hiệu khác của nhà văn Vũ Bằng (?) thì Thâm Tâm ẩn yếm hình ai, bề nhô, thân và xanh xao, đủ các thứ bệnh trong người, thương thốn họ luôn.

Ông nặng gánh gia đình vì phải nuôi bảy tám miệng ăn, mễ vẹo vẹo, chạc chạc Vũ Trọng Phụng, "com chonh tui ăn, do chonh dủ mễ" (?)

Thâm Tâm còn được nhắc nhớ rất nhiều qua vụ T.T.Kh; tác giả bài thơ "Hạt Sặc Hoi Ti-gôn". Ông làm "con tiếp nhiên" bà thơ tặng T.T.Kh đang trên Tiểu Thuyết Thứ Bảy, hồi năm 1940, gây nên giai thoại về một mối tình dở dang, ớ ờ, suốt mười lăm ung động lớp độ: già lẳng mạn hồi bấy giờ, và còn gây nên một "ngủ văn văn chương" quanh cái tên T.T.Kh. Nghi vấn này đã bị nhà văn Vũ Bằng, thư ký tòa soạn tờ Tiểu Thuyết Thứ Bảy hồi đó) chỉ thích rành rẽ trên tờ Văn Học số tháng 3-70 Ông đánh rạn mọi giải thích hay phỏng đoán khác khi tiếp lời T.T.Kh chính là Lê Bài, tức Thanh Tăng Tử, tức nhà thơ J. Leiba. (3).

Sau đây KH trích đăng vài bài thơ hay của người thi sĩ yểu mệnh.

TỔNG BIỆT HÀNH

Đưa người, ta không đưa qua sông,
Sao có tiếng sóng ở trong lòng?
Bóng chiều không thấm không vàng vọt,
Sao đây hoàng hôn trong mắt trong?

Đưa người, ta chỉ đưa người ấy,
Một già gia đình, một đứng dòng.
— Ly khách? Ly khách? con đường nhỏ,
Chỉ nhưn chưa về hàn tay không.

Thì không bao giờ nói trở lại!
Bà nằm, mẹ già cũng đứng mong.

Ta biết, người buồn chiều hôm trước:
Bây giờ mùa hạ sen nở nổi,
Một chị, hai chị cũng như sen
Khuyên nốt em trai dòng lệ sót.
Ta biết người buồn sáng hôm nay:
Trời chưa mùa thu, tươi lắm thay.

Em nhỏ ngây thơ đôi mắt biếc
Gối tròn thương tiếc chiếc khăn tay...
Người đi? Ừ nhỉ! Người đi thực ỉ
Mẹ thì coi như chiếc lá bay,
Chị thì coi như lá bụi bụi,
Em thì coi như hơi rượu say. <

- (1) Theo Đinh Hùng: 12-5-1916.
- (2) Đinh Hùng, Hoài Niệm Nhà Thơ Thâm Tâm Sáng Đời Miền Nam số 8 tháng 8-1960.
- (3) Vũ Bằng—Giải một nghi vấn Thâm Tâm và T.T.Kh, Văn học số 105.

NGÂM NGƯỜI CỔ SƯ

Lão đảo năm năm lệ mắt bằng
Ngâm người cổ sư, bóng lờn quang.
Cuối thu, mưa nất lòng đầu biển,
Ngày muộn, chuông đầu thuyền đã vàng.
Chân ngàn nhân tình, sầu cổ ngất,
Già leo thân thể, ban mang mang...
Hẹn cùng trời đất môn xuôi ngược
Chỉ lớn không day nển theo gang.

Tiêu Thuyết Thứ Bảy

GỬI T.T.KH

Các anh bảy uống thất say,
Cho tôi uống những ợc đầy rồi im.
Giờ bình như qua nửa đêm,
Lòng đau mang lại cái tin cuối mùa.
Hơi đàn buồn như thổi mưa,
Các anh lật nổi âm thừa đi thôi.
Giờ bình như ở ngoài trời,
Tiếng xe đã nghiêng rã rời ra đi.

Hon tôi lơ mơ sương khuya.
Bối chung tôi viết bài thơ trả lời.
Vâng, tôi biết có một người.
Một đêm cổ trống rằng tôi là hồng.
Đề hôm sau khóc ròng ròng,
Vâng, tôi đã biết cảnh đồng thời gian.
Hôm nay quên hết là vàng,
Và tôi lỡ chuyện chiều tàn về không.
Tiếng xe trong vết bụi hồng.
Nâng đi thỏ ỉu như trong khói mờ.
Tiếng xe trong xác pháo xưa,
Nâng đi có mảy bụi thơ trở về,
Tiếng xe mờ lối vu quy.
Nay là tiếng khó nâng chén nước đời!
Miếng chồn, Khánh gần trên môi.
Hình ảnh, mắt Khánh sang ngời còn mơ,
Từ ngày đàn em đường tơ.
Sao tôi không biết vịnh họ nâng đàn.
Kéo dài một chiếc áo len.
Tơ càng đứt mối, nâng càng nổi dây.
Nâng còn gõ mãi trên tay,
Thì tơ duyên mới đã bay hắt màu.
Góp hai thứ tóc-đầu đầu.
Sao còn đàn nổ nững câu tâm tình?
Khánh ơi! Còn hỏi gì anh?
Là rồi đã hết màu xanh màu vàng.
Chỉ kêu những tiếng thu tàn,
Tình anh đã chết anh càng muốn xa.
Chiều tàn, chiều tắt, chiều tà,
Ngày mai, ngày mới, vẫn là ngày nay.
Em quên mất lối chim bay,
Và em đã chẳng trông mảy trông mờ.
Đoàn viên từng phút, từng giờ,
Sống yên lặng thế em chờ gì hơn,
Trông nam từng đưa con son,
Mim cười và kín vết thương lại lành,
Khánh ơi! Còn hỏi gì anh?
Xưa tình đã vỡ, nay tình lại nguyên.
Em về đàn mới tơ duyên,
Vào tà áo mới, từng tìm duyên xưa.
Bao nhiêu giọt lệ còn thừa,
Hãy dành mà khóc những giờ vọng.
Bao nhiêu những cánh hoa hồng
Hãy dành cho tôi quên nghĩa chồn, hôn cha.
Nhất làm chi chuyện đời ta,
Cuộc đời anh đã phong ba đập vùi...

Hãy vui lên, các anh ơi,
Nâng đi tôi gọi hồn tôi trở về
Tâm hồn lạnh nhạt đêm nghe,
Tiếng mưa lá chết đã xé dịch nhiều.
Giờ bình như gió thổi chiều,
Những loài "choa máu" đã gieo nốt đời.
Bao nhiêu nghệ sĩ nổi trôi,
Sá chi cái đẹp dưới trời mong manh.
Sá chi những chuyện tâm tình,
Lòng đau đem chứa trong bình rượu cay!



(Trích trong Tiểu thuyết thứ bảy số 307, ngày 4-5-1940).

Trên toàn miền Bắc, năm 1957 đang vào giữa chiến dịch sửa sai. Sửa sai vì qua cuộc "Phòng tay cải cách ruộng đất" đầy dẫy những sai lầm đưa đến thất bại. Nhân dân oán thán Đảng, phản ứng ra mặt. Vì vậy, Đảng phát động chiến dịch sửa sai, cho phép nhân dân kêu ca, phê bình, góp ý kiến này nọ để "xả xú bấp", người giận, người thù, xoa dịu bớt nỗi uất ức của nhân dân.

Nhân dịp ấy, nổi ức lòng, câu kinh của Nguyễn Tuân cũng xi ra luôn, xi... "theo kiểu văn chương". Tuân viết ngay một bài tùy bút với nhan đề : «CÂY HÀ NỘI», đăng trên tuần báo Văn (tháng 8 năm 1957).

Trong bài, có đoạn :

«... Con người ở đây ít chú trọng, đến cây... Ở đây, con người đối với con người cũng chưa đủ mức chú trọng, nói chi đến truyện cây cối... Đời lúc có nhớ đến những người này, người nọ thì ta chỉ quên nhớ những cái lúc họ đánh đổ hoặc đánh vỡ một cái gì...»

Suốt cái tùy bút, Nguyễn Tuân mượn có "người Hà nội" không chịu chăm sóc cây già, trồng thêm cây con, còn bê gãy cái lộc non, không rào, không tưới, không quan tâm bảo vệ để cây càng ngày càng chết dần, tàn lụi, để thành phố càng ngày càng thêm nắng, kém mỹ quan, không bằng ngày xưa.

Nguyễn Tuân viết bài này, dựa vào lúc chủ tịch Đảng kiêm chủ tịch nước Hồ chí Minh đang hô hào, kêu gọi mọi người nên tham gia vào một cái «TẾT TRỒNG CÂY» để làm tăng vẻ mỹ quan cho thành phố. Nguyễn Tuân chộp lấy làm đề tài khai thác xỏ xiên lại Đảng cho hả ức.

Chỉ riêng cái đoạn trích trên đây, ai ai cũng rõ Nguyễn Tuân đã nói gần nói xa, chứ Đảng không chịu trọng đến con người, quên tuốt công lao của «con người» đóng góp vào cách mạng, nếu có nhớ chỉ nhớ những lỗi lầm, những cái xấu, những điều không vừa ý. Và điều quan trọng, «người» còn không được chú ý thì chú ý đến cây cỏ mà chi ? Mặt khác, nó còn nói lên Đảng chỉ chú trọng đến lao động : chỉ nói đến sản xuất, quên mất tập quán, dân tộc tính, tâm hồn đồng phương là yêu cây cỏ, yêu hoa, kiêu — một hình thức văn hóa — như vậy là Đảng, chủ nghĩa của Đảng làm cho con người kém... văn hóa.

Tham ý của Nguyễn Tuân, Đảng biết quá rõ. Giờ đến lượt Đảng ức lại Nguyễn Tuân, cấm Nguyễn Tuân. Nhưng khốn nỗi, đang vào chiến dịch sửa sai, đang xoa dịu phần nọ mọi người mà lời cổ Nguyễn Tuân ra mồn thịt thì hóa ra «phản tuyên truyền» sao ? Đảng lúng túng ra mặt. Phản ứng lại thì thất chính sách, mà nín thinh hóa ra dung túng cho cái thẳng «ấm ở hội thể» này xỏ xiên, làm đầu tàu cho bọn cầm bút khác mượn khố văn chương nói cạnh, nói khỏe, chứ đồng lại Đảng càng không được.

Thời thì... NGƯỜI DỌN VƯỜN của báo VĂN HỌC mang PHỞ và CÂY HÀ NỘI của Nguyễn Tuân ra nên cho kỷ vào, «nhỏ lòng cạo da» sát sạt mấy số liền cho nó... đỡ ức.

Được dịp xi hơi, trả đũa, Nguyễn Tuân đầu chịu nhin. Nguyễn Tuân liền quạt lại bằng một bài nhan đề : «PHÊ BÌNH NHẤT ĐỊNH LÀ KHỔ» đăng trên báo VĂN số 23 ra ngày 11 tháng 10 năm 1957 :

«... Theo chỗ tôi biết thì đã có một số hiện tượng hách dịch đối với văn nghệ phẩm xuất phát từ một số người phê bình cũng như từ một số cán bộ chính trị.

Tôi rất đồng ý là văn nghệ sĩ mà nhất là văn nghệ sĩ có tài càng cần phải khiêm tốn. Nhưng chung quanh, nhất là những người có trách nhiệm và phán đoán cái này cái kia, đề nghị cũng làm như vậy cho...»

... Trong mọi thực tiễn Việt Nam, nói chung các mặt, nếu đã có những tác giả còn non nớt, nếu đã có những tác phẩm còn yếu kém, thì cũng đã có một số cán bộ thực hiện chính trị cũng không cao tay gì lắm...»

«Chính» xong, Nguyễn Tuân «lên lớp», dạy cán bộ Đảng :

«... Phê bình thiệt là khổ. Theo tôi nghĩ, có khi còn khổ hơn cả sáng tác. Vì chính bản thân cái công tác ấy, nó rất có tính chất sáng tạo, và nó cần phải được như thế...»

VẬY là lý nước «an oán giang hồ» giữa Đảng và Nguyễn Tuân đã tràn. Đảng dẹp xong nhóm Nhân Văn — Giai phẩm của cụ Phan Khôi, Trần Dân, Phùng Quán, Trần Lê Văn v.v... Nguyễn Tuân được Đảng chiêu cố ngay.

Thoạt đầu, Đảng Ủy Hội Nhà Văn họp kiểm thảo «đồng chí Nguyễn Tuân» trong phạm vi hẹp giữa các cán bộ lãnh đạo Đảng ủy. Nguyễn Tuân lung dài ra, ngồi viết suốt mấy ngày liền. Đó chỉ là màn đầu. Đảng chưa loan báo «biện pháp kỷ luật» sẽ được áp dụng ra sao, chờ đến phiên họp đại hội Chi Bộ Hội Nhà Văn, «ở trên» sẽ cho biết quyết định.

Hơn mười ngày sau, qua thời gian bị «chém treo ngành», đại hội chỉ độ được triệu tập. Bao nhiêu nhà văn, nhà thơ, văn nghệ sĩ lớn nhỏ cho đến cả những cán vụ đảng viên, nhân viên châu rìa, trực thuộc Hội Nhà Văn, đến họp đầy đủ chẳng thiếu mống nào. Qua thời gian «chém treo ngành» Nguyễn Tuân được lệnh «đón mình» theo kiểu «ăn chay nằm đất, tự vấn lương tâm, ăn năn hối lỗi» để khi ra trước đại hội, tự mình kiểm thảo trước, nêu khuyết điểm, tự phân tích, nhận xét tội lỗi với Đảng, phân tích rồi tập thể sẽ phê phán, «đấu tố», xây dựng cho.

Chỉ có mấy ngày, Nguyễn Tuân sút cân, ủ rũ, bèo nhèo như cái áo rách. Qua đại hội chi bộ, Nguyễn Tuân được biết quyết định của «trên», đáng là Đảng áp dụng kỷ luật tôi đa đối với những đảng viên vô tổ chức, vô kỷ luật, manh tâm chống đối chính sách, đờ đờ lối Đảng, nhưng xét thấy Tuân ăn năn hối lỗi, thành khẩn trước tập thể, Đảng chỉ cảnh cáo ghi lý lịch, ngưng sinh hoạt Đảng sáu tháng.

Hứ vĩa cho Nguyễn Tuân. Không bị đi trại cải tạo ở Tây Bắc, còn được lãnh lương là phúc đức mấy mươi đời. Tuy biện pháp kỷ luật trên, đã đưa Nguyễn Tuân ra khỏi Đảng, mất chức ủy viên Hội Nhà Văn, trở thành một tên lem nhem, «cu ly văn nghệ» mà còn được ở Hà nội, còn được chiều chiều thơ thẩn ở bờ Hồ. May!

Tạp chí VĂN NGHỆ, số 12 tháng 5 năm 1958, được lệnh đăng bài tự kiểm thảo của Nguyễn Tuân để cho mọi người cùng biết dưới cái tựa : «NGUYỄN TUÂN TỰ PHÊ BÌNH» :

«Trước Cách mạng tháng 8 và trước ngày kháng chiến, tôi sống tuyệt

NGUYỄN
TUÂN



vang bóng
một thời

đổ bằng cảm tình, chỉ dựa hoàn toàn vào xúc cảm bản năng và phản ứng tình cảm để đánh giá cái tốt, cái xấu, cái thiện, cái ác. Tôi nghĩ rằng thời kỳ ấy tôi đã là người của thuyết hư vô và nhiều lúc đã quan niệm một cách nguy hiểm rằng người trí thức chân chính là phải hoài nghi tất cả. Đối với mọi vấn đề đảng phái và hoạt động đảng phái kể cả Đảng ta lúc ấy, tôi hết sức tránh, nghĩ sai rằng nghệ thuật là ngoài chính trị và còn ở trên cả mọi chính trị...

Về quan niệm nghệ thuật trước đây tôi là người của phái nghệ thuật vô nghệ thuật không phục vụ chính trị...tôi vẫn kéo dài cái sống phiêu lưu ngay cả sau thời kỳ cách mạng tháng tám thành công và sự cải tạo tư tưởng của tôi chỉ mới bắt đầu từ ngày kháng chiến...

Từ sau hòa bình, con người cần an hưởng lạc ở tôi dần dần hồi sinh lại với cái nếp trước của người thi dân cũ...»

Đề kết luận, Nguyễn Tuân viết với nỗi chua chát :

«... Riêng tôi, qua một trận thử thách vừa rồi, quí cái bài học chuông vàng vừa rồi để phân rõ thiện ác trong giới văn nghệ phức tạp tôi thấy sáng lên cái chân lý này :

— Muốn suy nghĩ độc lập, cần phải có cái vốn phong phú về thực tế đấu tranh, công với một căn bản lý luận cách mạng chắc chắn.

— Khi mình đã ngờ vực Đảng thì dễ nghĩ sai và làm sai.

Những cái tôi nói đó, thực ra không có gì mới cả, nhưng riêng với tôi nó có giá trị của một lần «suy nghĩ» vừa đau xót vừa yên tâm vừa lành mạnh. Viết ra đây cái điều tiên, tôi thấy thoải mái trong sự khiêm tốn thành khẩn và càng thấy gần Đảng hơn bao giờ hết.»

Sau khi cho đăng bài «NGUYỄN TUÂN TỰ PHÊ BÌNH» là Nguyễn Tuân bắt đầu sống cuộc đời «sống đỡ chết đỡ». Bọn bè thì ai cũng tránh mặt, lơ là. Đảng thì chẳng thêm nói năng gì tới. Bao nhiêu cuộc hội họp, tổ chức ăn nhậu dớp hít, hội ý, bàn công tác, đi tham quan nơi nọ, nơi nọ đi du lịch nơi kia, tiếp xúc văn nghệ sĩ, báo chí ngoại quốc v.v... đều cho Nguyễn Tuân ra rìa. Đã không được dự mà có hội cũng chẳng a thêm nói. Sống giữa hàng vạn, hàng triệu người nhưng chẳng khác sống giữa rừng hoang.

Giữa lúc cơ, Đảng ủy Hội Nhà Văn cho gọi Nguyễn Tuân tới và qua sự truyền đạt lệnh Đảng của đồng chí ủy viên Ngụ ền công Hoan. Đảng «góp ý kiến» là Nguyễn Tuân nên đi «thực tế» ít lâu. «THỰC TẾ» là tham gia công tác ở các nông trường, công trường, có «thực tế» mới thực tế hơn, không «mơ mộng» nữa. Đảng «không dùng chữ «lao động cải tạo» e nó nặng nề, chẳng khác áp dụng cho tù khổ sai sao !

Thế là Nguyễn Tuân xếp áo vét, sơ mi quần tây, ca vát, giày da vàng cho vào va ly niêm kín lại và thề là sẽ... cho đồng bọn kẻ từ đây. Giả từ những ngày hoa mộng cũ, nhường cho những «ông cai văn nghệ» khác.

Nguyễn Tân khoác áo chàm, quần ống túm cột dây, nón nan, dép râu Bình Trị Thiên thất thủ lên rừng Tây Bắc, Điện Biên, mà «thiên nước độc» để thực tế với những thổ dân Mường, Mán, Thái, Mèo; đến cây rừng khai hoang, kết bè gỗ sông Đà, thay trâu kéo cây ở triển núi, tát nước, gánh phân bón ruộng cao, theo các đội công an vô trang biến phòng năm rừng leo núi v.v...»

Cứ thế, mỗi nơi ba bốn tháng, cho đến hết hậu hai năm, đầu năm 1961 Nguyễn Tuân mới lại chương một về Hà nội. Quí là phen này Nguyễn Tuân «thực tế» một bụng rồi. Nguyễn Tuân gầy sút hẳn đi, da xanh xanh vì sốt rét và cái trán vốn cao giờ trở thành sỏi trọt hẳn lên.

Bấy giờ Hội Nhà Văn đã đổi tên thành Hội Văn Học Nghệ Thuật (Xem tiếp trang 15)

vũ đức sao biển

KHI CÒN Ở PHÚ XUÂN HỘI

một cây khô vươn lên những chiều phiên chợ tàn
thị trấn nằm yên than thở
chàng qua đó một mình
ve vút những sợi râu của một xuân thì tàn tạ.

khi cơn mưa đầu mùa chưa khô trên mặt đường
những chuyến xe ngủ sâu trên bến
những cơn đờ bông như một dòng sông
trong cơn tìm kho héo của chàng
đồng sáng lên một tình yêu đã chết

khi những cuộn kềm gọi đã giăng đêm giới nghiêm
chàng trở về đứng dưới hiên nhà
nhìn cánh cửa ngày nào một bàn tay con gái đã gõ
một hàng cây bông nghe dài như tiếc

không còn chi để nói
những ngày mất ngọc anh.

thị vũ hà như

NƠI ANH ĐÒN TRÚ

dưới chân đồi xích thổ này có con sông
con sông có cây cầu bắt qua
bên này là vườn táo
là nghĩa địa là ruộng hoang
là lỗ cốt là hầm chông là bãi mìn
buổi sáng anh ở đây
đu đưa lời tình bên khóm táo
với bầy te te với tiếng gió giao mùa
anh phải ngủ thật nhiều vào ban ngày
để đêm từng đêm gối gác giấc
anh phải cười nơi đây thật to
để khỏi nghe tiếng súng
anh phải vắng tục nơi đây cho đã
vì thiếu bóng đàn bà suốt tháng
anh phải thủ dâm
mỗi khi dài QĐ đưa lời "em yêu lính"
(tất cả bạn bè anh cũng thế
có gì đâu mà giấu phải không)
anh cời trần ra tắm nắng
khi mặt trời lên cao
anh cời trần ra tắm mưa
khi mưa vừa nặng hạt
anh đi giày bó mỳ hút quăn tiếp vụ
anh đội nón đại hàn ca nhạc trình công sơn
anh rất thương lính hơn hồi còn đi học
anh rất ghét lính khi đã lãnh lương xong
anh ăn buổi sáng buổi chiều nhịn đôi buổi trưa
anh ăn buổi trưa nhịn đôi buổi chiều buổi sáng
anh cũng thường nhịn ăn suốt ngày
sau những lần uống rượu
nước bi đông anh bữa ngọt bữa cay
tâm thần anh thanh bình ngày nội chiến
anh ngủ nhờ trên đất
đất mẹ Việt nam mến yêu
anh bới sâu lòng đất
chôn xác những thằng người
những thằng bất hạnh
trong một chiến tranh tương tàn phi lý và
bần thiêu
trong một chiến tranh nhục nhằn đắng dai và
bệnh hoạn

bạn bè anh đưa còn đứa mất
đứa đào ngũ đưa vào bệnh viện
đứa cụt tay đưa quê già
những thằng còn ở lại đây
thắng những qua ngày ngồi vổ súng ca
anh ca bài ca máu xương
của một dân tộc mấy ngàn năm bị trị
anh ca bài ca đau thương
của một quê hương chia cắt bởi con tàu
(không phải mấy nhịp cầu bắc qua giòng Bến Hải)
anh ca bài tình ca quê hương
quê hương của một giòng sông
giòng sông này không chia cắt tình người
anh ở đây dưới chân ngọn đồi nắng cháy
vàng đất khô của một quê hương
quê hương của một giống người bị trị.

nguyễn đăng ty

NGÀY THÁNG ĐI QUA

Với nước mắt và những lần tủi nhục
Tôi dâng tôi trong tuổi nhỏ lao tù
Ngày tháng đi qua mang cho mình dấu tích
Trên hình hài cây cỏ héo khô.

Cong vọng tay ra đôi vai khổ sở.
Tôi bay đi trong rừng lớn vô cùng.
Đất tri thức này hải đăng của bề.
Đêm phong ba trùng điệp cánh tay chùng
Tuổi ấu thơ với những lần hèn môn
Đồng lớn lên trong mặc cả a gông cùm
Tôi trốn nhận người đi nhăm thế kỷ.
Nay chiến tranh,
Nay khói lửa một mù

Một mai trở về thăm quê hương.
Trong chuyến đi với hành trang là mắt.
Tôi dâng thân vào cát sỏi hoang vu.
Khung cửa tre hai vãi, xưa đã nát.
Giàn nhà gỗ từng chiếc đinh long.
Tôi đứng dậy nghe âm thanh trái đất trên
mái rạ

Những anh, những em nhìn nhau nước nớc.
Ôi quê hương cây nát khổ đau.
Roi vọt cũng biến thành bom đạn.
Ném cho mình hàng túi nhục lo âu
Trẻ sơ sinh bỗng trở mình vạt khóc.
Nay chúng ta đi một nửa đoạn đường.

Ngục tù mở rộng đôi cửa sắt.
Tôi cong tay vào lịch sử khai hoang.



hồ văn dương

NÉN HƯƠNG CHO MÙA XUÂN

Đốt lòng ta đỏ rên hương
Đam ba dom lửa một phương trời sâu
Buồn giăng tìm ngon sâu đau
Chiều giăng mưa bụi một mầu tang hoang

Đêm vầy bóng tối phủ phàng
Bước chân dạn nở sau hàng mộ xanh
Đêm khuya vô tiếng u tình
Mùi tên ai phồng vô tình tìm ta.

vô tình

CHỈ CẦN MỘT NGÀY

Thắc mắc làm chi những chuyện đó mấy
Thằng nào Việt Nam cũng thừa hiểu chán
Cứ xem hôm qua như là đi vắng
Và hôm nay — chỉ có nghĩa một ngày...

Miền một ngày trôi qua cho bình thân
Vợ con mầy đừng đi đứt đời ma
Vì hòa tiền Nga Sô rơi rớt trên nhà
Hay kiếp ước, đó là — O K ngoại quốc.

Và mầy — cũng đừng chửi bới người ta
Bà, thím hôi tanh — kệ cho tụi nó.
Viết cho nhiều hân cố ngàu đồ nợ
Không vào tù cũng tan xác mầy ra.

Còn riêng tao — cũng chỉ ước một ngày
Sống một ngày rất bình yên chiến sự
Chết chóc cho nhiều anh em địch thủ
Rồi cũng vậy — đâu có nghĩa gì hay ?

Trong một ngày — duy chỉ một ngày thôi
Người yêu tao đừng oán hận thù đời
Đi lấy Mỹ, bán Bar vào mỗi tối
Đợi tao về — Hòa bình sắp đến nơi...

Chỉ cần một ngày cho mầy, cho tao
Thằng ở thành đô, thằng ở tuyến đầu
Hai đứa lần sau sẽ còn gặp lại
Bàn chuyện mưu sinh Hòa bình mai sau.

ca hát

PHÚT THU KBC 4.017

gợi đến cho mầy một lời chia biệt
khi về nam còn sót lại mỗi cười
lần bắt tay đó coi như đã mất
đủ má đờ, chia hai đứa hai nơi

gợi đến cho mầy một ngày dà nắng
nửa nụ cười và tờ giấy năm năm
đường đông kinh đông phòng bóng vắng
khi mầy đi rồi ai coi hỏi tham ?

gợi đến cho mầy một đêm phủ lộc
những chuyện đi xa nỗi nhớ mang về
từng cánh thư bên hàng 33, gọi: mầy
mầy gọi tên nào suối âm con mẹ ?

gợi cho mầy ly rượu phân vãng mặt
một ngàn năm trăm cây số đường bay
hãy nhớ đến những điều mình đã mất
đỏ nắng, kiến hòa xa lút tầm tay.

phù sa lộc

NÓI VỚI BẠN QUA ĐỜI

không còn mầy để nói
hồi lẽ tiền duyên
năm im lặng
dưới lòng đen nghĩa trang quân đội ba mươi

không còn mầy để uống
hồi lẽ tiền duyên
những ly rượu cay đắng
một chiều nào chôn rợn bên nình kiều
xế đêm chấp chôn chân phố vắng
nỗi buồn có chữ trong mắt xiêu

không còn mầy để chúc
(lời chúc kỷ cực, mỗi đứa một giành)
chúc mau chết sớm
chúc được ăn đạn
chúc được chém nát
chúc được bầm nhien như tương
để hân hạnh gọi lời chia buồn trên báo
mang nỗi đón đau kẻ chết bạn mình

không còn mầy để ngủ
ngủ đêm qua ngủ đêm kia ngủ đêm xưa
trên gác nhỏ chật buồn bã chuyện vãn dĩ
những như mưa

trong phòng nhỏ một tầng lầu khách sạn
cùng một con diêm vũ đầy vũ đưa
nỗi thêm khát cuốn trôi quần áo
thỏa mãn đầy vết mồ hôi lưng

không còn mầy để ngạc nhiên
những chuyện đi phép kinh niên
từ trung đội HT 121-TĐ2, trường truyền tin
vùng th

về căn thơ lang thang sáng mưa bụi
tim một số nhà
con đào không biết mặt — đi vắng
giận — chửi thề — nói chuyện buồn vui
rồi hút thuốc lá lẻ rồi ăn quán ngủ đình

không còn mầy để tán dóc
qua đường điện thoại viễn liên
tụi tồng đài viên nghe tiếng tục tàn trong
ống n

bóp con bướm cho nghệt họng chơi
hai đứa chửi rùm gác máy.

không còn mầy để nói
hồi lẽ tiền duyên
bây năm thành thói với dăm viên AB
trong th

hãy bình thân như gỗ áo quan
chờ tụi tao vài tháng sẽ tới l

chiếc mũ đỏ

TIẾP THEO TRANG 9

quán, một cặp bồ bịch rồi ngừng lại ở bàn Nam Kha. Coi kia, thằng nhỏ ngoảnh bằm chai la ve ngỗng ngang và người bạn đồ rần rì la hoác.

— Ngó gì dữ vậy, tao nè Chon !

Đầu Nam Kha rần tê chéch choáng khoan khoái, thấy vui hơn khi gặp Chon. Thằng bé la lên :

— Trời ơi, anh,... anh Kha. Anh về hồi nào ?

— Mới về.

Thằng bé coi trong cây. Mỗi năm ngoài nó còn hót của năm nay để chải. Nam Kha kéo ghế :

— Ngồi xuống đây mấy, uống gì ? Nước cam nghe.

— Thôi tui không uống. Anh hút thuốc gì đó, Salem hả, cho tui điếu. Nó rút điếu thuốc bật cốc cái Zippo điếu nghe rồi rít hơi dài lim dim, mắt lơ tơ mơ.

— Khoái quá sáng giờ tui thiếu nó !

Con Nai còn đứng ngoài cửa — Vô đây Nai, Anh Kha nè mấy nhớ không ?

— Nhớ chứ sao không ? Có mình mấy nhớ được. Giỏi dữ !

— Nhớ thì ngồi xuống đây đi !

— Thôi, tao còn phải ra má tao. Nói rồi con bé chạy biến ra lộ. Còn thằng bé :

— Mày đi đâu đó Chon !

— Má tui dặn ra vừa cá lấy mấy con khò.

Đi chưa ?

— Chưa.

— Giờ đi rồi trở lại đây.

— Thôi, gặp anh mừng quá một lát tui về đi luôn cũng được.

— Vừa cá của cha Khen hả mày ?

— Sao anh biết ?

— Nghe tiếng Bầy nói, chị Mận mấy có chồng rồi phải không ?

— Anh biết mà còn hỏi.

— Có con chưa ?

— Sắp có. Chỉ nói chác sanh con trai. Tui là sao chỉ biết được. Chỉ nói bụng bằng sanh con trai, bụng nhọn sanh con gái.

— Lúc đám cưới chị mấy vui hay buồn ?

— Chỉ khóc. Chỉ nói với thêm Bầy tại má tui ép chó chỉ thương anh. Để lát tui về cho chỉ hay chỉ mừng.

— Thôi đừng ! Nam Kha uống hết ly, còn lại mấy cục nước đá rớt lạnh canh.

— Uống một ly bia nghe mấy !

— Được, anh cho tôi một chai.

Trời nóng quá, mấy giọt bia ướp đá không đủ làm giảm nhiệt độ trong người, mồ hôi lúc nhúc tươm ra bốc hơi khai nồng. Ở mình thằng Chon, Nam Kha nghe mùi nắng cháy, mùi đất ẩm lên men trộn lẫn mồ hôi nồng nặc trong thứ không khí khăm khăm. Nam Kha kêu thêm chai bia. Ở đây chỉ còn loại bia lớn lạt lẽo. Nước đá và bia chói lọi màu ngọc bích, Nam Kha mừng rỡ thấy lại đêm đen xê thành từng mảng bởi ánh đèn yếu ớt, giọt nước mắt xám nóng đọng trên khóe mắt, tiếng thút thít và các nắm tay nhẹ như cổ gọng gửi lại, mái tóc che kín nỗi buồn. Trời đen hơn và mấy cụm mây bông bành trôi. Ngừng lại, nhất kín ước mơ, mấy cụm mây thường chờ theo trời hồng, thường chờ theo tương lai, giờ thành bức tường ngăn bít lối đi. Nhưng lúc đó máu còn sôi tin tưởng : anh đi một hai năm rồi về, chúng mình lấy nhau, chúng mình lấy nhau. Lời nói tưởng chừng như đun cao nhiệt độ cho những đêm đứng đợi theo những lùm cây bất động, một thoáng lại nhúc nhích như xê dịch lại gần. Trong hốc cây, trong đất ngả màu đen dúi, tia mắt tưởng như soi thấu màu đêm dày đặc. Bây giờ bỗng như thấy lòng chừng xuống thời gian đối vì mảng trời xanh đã mất, hy vọng không còn chói lọi hào quang. Tất cả chấp chọang lắt lết kéo nhau về trong niềm hư ảo. Nam Kha nghiệm ra rằng lỗi không do Mận, phù sa lắng xuống để trí óc mình nhìn nhận xét. Do cha Khen, người đàn bà — má Mận — mở đầu tau buồn cụt,

tối thì tụng kinh sám hối. Người ta ít ra cũng làm nhiều lần lỗi, Tiếng mõ tiếng ề a sẽ cuốn trôi tội lỗi. Đức Phật lúc nào cũng từ bi, tụng xong bởi kinh ngó lên đôi mắt nhập Niết Bàn sẽ thấy lòng nhẹ tênh như người trút xong nợ, xong sự ray rứt hằng đêm. Thằng Chon nâng ly tọt một hớp la ve Bọt trắng viền quanh mép.

Bây giờ về đây cây cỏ, bướm trắng góc vườn vui hồn phôi. Còn tôi Nam Kha ngồi tựa vào ghế nhìn Chon đón đầu lạng lẽ, sục sùi trong lòng. Tư Maniquen cũng đi, Du thì ngồi đó. Du bay chấp chới bằng hai bánh kim khí lấp lánh ánh mặt trời. Lúc đó quên tuột đi quả lựu đạn chia hai với cha Khen. Đá, gió núi và quán năm xưa không thay đổi, thời gian qua, lòng người, sợi giây buộc chặt nhất rồi có ngày tự nó giãn sút ra, hàng cây rũ rượi, con mắt mình. Thấy nước. Nắng quá quắc, Nam Kha lừ lừ ngó nước bốc hơi giữa hàng cây xanh. Hơi đất bật lên hực hực, mắt đỏ sục xuống về ký bí của rần lết, khoảng kỷ ức gồm tụ giờ cũ còn đêm xanh xao của câu Bả lộng gió, đem xé thành nhiều mảnh nhỏ chẳng chịu lười nhện. Chiếc bóng trong mui xe đông đưa, và điều vọng cổ rồi rạc : 'Sương thu lạnh bao trùm khắp nẻo, trăng đêm nay dịu dịu cả không gian...' Thằng Du lên giọng đề rồi tiếng nhỏ phư hự hơi chui tọt trong mấy thùng cá rỗng kêu boong boong rừ rừ nghe trong điếu : 'còn tôi thì mặt nam da đen bởi mưa nắng của rừng sâu núi thâm...' Du nói ngừng lại : — Giống ư Trà Ôn không mấy ? — Giống, mấy ca giống cháu nói Ừ Trà Ôn bị đứt giây chẳng... cười khịt. Thằng nhỏ cụt hứng chửi cha lớn tiếng

Nam Kha nhìn lại Chon. Ghế trống vắng nhỏ lên đi đầu mất. Vừa lúc đó nó chav hột hải về sau :

— Anh Nam Kha, anh Nam Kha.

— Gì ?

— Tui cho anh cái hôn quẹt ga nè ! — Nó chìa ra cái Ronson đen, vặn và bật lên ngọn lửa vun cao.

— Ờ... ờ...

— Ờ đầu nói thiệt đi !

— Thì anh lấy rồi tui nói.

— Ừ, nói đi.

— Tui chọt của cha Khen.

Nam Kha cầm cái hộp quẹt thần tốc. Mưa lát mở nút áo lôi giây xích thẻ bạc kho kho, gờ vị một miếng :

— Tao tặng mày, đây là tấm thẻ bài có tên tao.

— Còn cái này

— Đâu tiền oan AK môn hơi đó. Nó chui vào túi, cho vào túi móc ra tao xin đeo làm kỷ niệm.

— Ở trận nào anh ?

— Đồng đá.

— Đồng đá ở xa Saigon ?

— Không xa lắm, mấy không biết đâu, ở tận miền Trung.

— Miền Trung ở đâu anh ?

— Mấy biết Huế.

— Tui có học. Huế ở Trung.

— Ở nó gần Huế như mình gần Cần thơ.

Thằng nhỏ nghe một tràng địa danh và phục lẫn Nam Kha

— Chắc anh đánh giặc gỗ lắm ?

— Tui tao đi liên miên, có lúc tiền chẳng biết làm gì có bận đánh bài tao ăn hơn trăm ngàn, ngay sau tao thua lại mà coi như không.

— Còn cái này ?

— À, cái nanh heo rừng đặc, bùa hộ mạng của tao đó. Tao đó cả nhà rồi.

— Anh có gồng ?

— Không, nhưng thấy tao dận dưng chun qua vật ở uế, đừng gần đàn bà bấy bạ, không thì sẽ bị hành.

— Bị hành là sao ?

— Nồi điên đó ! Nhưng tao đã gỡ rồi. Tao cho mấy đó. Có nó thì không được chửi thề. Mày chịu hông ?

Thằng bé ngẩn ngơ, do dự một lát :

— Tui chịu, d. mẹ đưa nào chửi thề nữa !

Nó cầm cái nanh heo rừng mân mê thật lâu :

— Nanh của heo lẩn chai đó mày !

Từ chỗ thằng bé thấy Nam Kha cao lên. Nam Kha điếu thuốc qua. Nó còn muốn hỏi liên

miên, còn thấy Nam Kha thân thuộc trong những ngày la cà nhà nó.

— Anh đeo cái này nên không chết !

— Ừ, nó linh lắm. Tao chuộc ba ngàn đó.

— Nhiều dữ vậy sao ? Cha Khen chưa bao giờ cầm cho tui hai trăm. Chết cha, để tui về nhà, chút trở lại. Nó xách thẻ chạy miết vào xóm.

LƯC sáng thằng nhỏ thức dậy còn nằm chết giãy kim khí có cái nanh heo rừng đặc. Trong đầu nó vẽ ra con heo rừng dữ tợn, mình bết cứng đầu chai, da dầy lao phóng không thủng, ná bắn như ghim vào đá và chiếc nanh dài vênh vào tể một khúc để lại trên cây. Nó mắc đá cứng đi vội nhảy ra sau. Người đàn bà bụng chứa hột nó :

— Hôm qua mấy uống ở đâu mà say bí tỉ vậy Chon ?

— Tui uống với anh Kha. Anh buồn ép tui uống cho vui. Anh còn cho tui cái này !

— Cái gì ?

— Cái thẻ bài ?

— Đâu đưa coi.

Người đàn bà lăm nhăm đọc. Lê Nam Kha, số quân 142751.

— Anh nói lúc chết người ta gỡ cái này rồi gọi về cho nhà hạp.

— Anh còn nói gì nữa không ?

— Anh nhìn chị ở lại mình giới. Anh còn kể tui nghe nhiều chuyện la lăm. Nhiều chuyện điệt ngó. Anh nói cái trần chiêm nói rồi để lại cái nón đỏ trên neon cây khô làm dấu chiến thắng. Anh nói ảnh đánh VC không sợ mà sợ về dân chịu không nổi. Anh thề biệt xứ luôn. Người đàn bà bụng chứa mót túi :

— Nè tao cho mày hai chục. Anh còn nói gì nữa, nói hết tao nghe.

Mắt thắm bé sáng lên : còn viên đạn này, anh nói bị ở trong ở Đồng Hà...

Người đàn bà nghe thằng bé kể huyền thiêng, bỗng như tăng đôi theo dòng Nam Kha. Người con trai đã từng một thời yêu thương mình và khốc lạng lẽ.

Thằng bé chav ra phía sau, tấm thẻ bài ròn rềng quay lạnh lạnh, nó mãi đầu đạn dưới cát.

Người đàn bà ngo ngoe bùng bùng, ngạc nhiên và sững sờ thấy mình thay đổi nhanh chóng. Thằng bé man mách viên đạn đồng đó an. Còn một vết đen, nó là mái, cha mãi rồi chửi thề. Đứa con trai mà không hết tên. Người đàn bà lết bợ tiện về phía nó. Mãi làm gì đó Chon ? Tui chửi cho nó sạch, có cái này cha hoài mà không hết tên.

— Vay lấy thêm hành chửi nó mới sạch. Thằng bé cha mới lát rồi nói : Chỉ vô cát cho tui miếng chanh coi ! Nó bỗng dưng ra lệnh ; Mày ôm cha tao hả Chon. — Thì tui tôi mượn một chút mà cũng nổi sung

— Nè ông con.

Thằng bé cầm miếng chanh :

— Làm sao ?

— Nhều một chút, thấm với cát rồi chà hoài.

— Vay hả ?

— Ừ.

Thằng bé chà một lát rồi reo lên : Ra rồi, coi nè. Nó sung sướng đưa viên đạn đồng trước ánh nắng.

Máu đỏ sẫm nắng chói lọi. Nó như một thời kim cương, người đàn bà bỗng thấy yêu quý viên đạn như vật quý đời sống mình.

Thằng bé hỏi :

— Chị còn thương anh Nam Kha không chị hai ?

Chỉ còn thương anh Nam Kha không ? Âm thanh bỗng nhảy múa xoay luân vũ làm người đàn bà chóng mặt. Vịn vào cột và thăm hỏi : Mình còn thương anh không ? Tiếng hỏi vọng vào bờ giếng sâu chui tọt đầu đó hình như phóng xuống ngập lặn dưới đáy nước trong xanh hay len qua lỗ mũi rồi mất hút. Người đàn bà nhìn lại bụng mình ngạc nhiên sao mình lại thấy sung sướng thiệt tình với người đàn ông đó và quên tuột những lời rên rĩ, những kẻ lề lẩn tiếng tụng kinh của bà già ở trong đêm trường. Dù gì mình cũng một lần làm tội. Bà già vẫn tụng kinh sám hối, người đàn bà cũng sống và thôi ngạc nhiên khi lăm nhăm tỉnh giấc. Khóc khóc nhưng thấy như có hai giọt nước mắt lăn trên má và thần thờ nhìn nó rớt trên bụng, thấm qua lớp áo mỏng lạnh tanh.

ĐỪNG vào tuổi tôi, Keats đã chết rồi. Mấy tháng qua, tôi sống tàn tạ lạ thường. Hôm nay, tôi quyết định sống lại cho ra hồn. Hai ngày nay, tôi tìm một tác giả Đan mạch đọc lại để tìm thấy con đường đi mình đã đánh mất. Con đường : cô độc, im lặng, giấu kín nỗi bất lực của đời sống mình. Tôi ghét mấy chữ «cô độc» và «cô đơn». Thực ra, chẳng có gì là «cô độc» và «cô đơn», ngay đến sự đau khổ cũng chỉ là do trí óc mình tưởng tượng sai lạc. Vấn đề quan trọng nhất vẫn là : biết tưởng tượng. Tưởng tượng là tất cả đời sống và sự chết, thế giới của sự chết cũng bị tưởng tượng chi phối. Ngày hôm nay, tôi đã là gì ? Khó trả lời, vì mọi sự lặp lại và trôi đi như chẳng có gì kỳ dị : sự kỳ dị là hình ảnh lung lạc của ngôn ngữ trong đầu. Khó hiểu, mỗi một ý nghĩa là phản nghĩa từ nguyên thủy. Buổi sáng thức giấc, chờ uống cà phê và chờ bao thuốc lá. Tôi vẫn bị nột lệ vào cà phê và thuốc lá sao ? Hôm nay, khát vọng làm quỉ đang nổi dậy trong tôi : tôi đang bước đi từng bước, học từng lời nói, từng cử chỉ, từng ý tưởng để lau sạch tất cả những gì do bản yếu đuối trong người và hồn. Tôi phải làm quỉ ngay trong phòng tôi ở, không phải làm quỉ giữa đời mà làm quỉ với chính mình. Tôi là một số không : tất cả sự vô hạn và hữu hạn nằm trong số không này. Khuyết điểm lớn nhất của tôi là thiếu nhân nại và làm biếng. Tôi thích nằm dài hơn là ngồi, tôi thích không làm gì hết, tôi cảm thấy kẻ thù lớn nhất của tôi là nọ tính. Tôi phải ngắm nhìn mọi sự vận hành của nọ tính và chụp mũ bóp nát nọ tính để cho tinh lực được hồi sinh trong ý thức vũ trụ. Tôi không thể nhớ được ngày

tạ ơn, thương yêu. Cuộc đời vẫn đẹp, vẫn mới, vẫn lạ ; tôi vẫn lạ, vẫn mới, vẫn thay đổi. Không trốn tránh gì cả. Vẫn bước tới, tiếp tục bước tới sự chết để đi sang sương khói thời gian. Bầy đặt viết văn, làm văn chương, đóng cho trọn một vở tuồng chèo và vở tay tán thưởng ánh đèn mờ của mặt trăng và ngôi sao. Bơi lội trong đường đá như chó sủa nhà ma. Văn chương siêu thực là sản phẩm nông cạn của chân trời tối. Tôi không hiểu tôi đang viết gì. Thời đi ngủ và ngày mai sẽ viết tiếp. Tôi chỉ viết và vẫn viết tiếp. Viết không cần nghĩ, không cần xuống hàng, không cần suy nghĩ, không cần tìm hiểu rằng mình viết có ý nghĩa hay không, tôi viết như tâm nước cho mắt người vào buổi trưa hè nóng nực ; tôi không viết để ghi lại cuộc đời, để tìm một mục đích, vân vân. Tôi viết luôn : một cách trị bệnh nọ tính và để khỏi điên. Vì về sinh tâm thần, tôi phải ép buộc viết mãi mãi, viết một cách vô nghĩa hay có ý nghĩa, viết luôn luôn như những ngôi sao thay nhau đi động trên bầu trời bất mầu. Từng loạt đạn bắn ngoài cầu. Nhưng giọng chữ tôi viết cũng không khác gì từng loạt đạn tôi bắn vào sự sợ hãi của một kiếp người giữa một triệu kiếp người đi trước và một triệu kiếp người đi sau. Không có gì mới lạ mà mọi sự vẫn mới lạ. Không có gì đáng nói mà vẫn có điều đáng nói, như khi tôi nói : «Tôi yêu ngày hôm nay, ngày mai, ngày mai nữa, ngày kia và đến một ngày mà một trời chỉ là do ảnh trong mộng của giây phút xuất sinh và nhập thần vô hạn».

Ngày hôm nay, thức giấc và bắt đầu ngày mới bằng một loạt đĩa Beethoven, suốt ngày dường như

PHẠM CÔNG THIÊN



khỏe khoắn để chịu. Ngồi đây uống một tách cà phê, hút thuốc và nghe nhạc Chopin. Một ngày bắt đầu bằng tiếng chuông lặng lẽ thanh bình của tâm tư. Ngày hôm nay, nguyên yêu tất cả vũ trụ, đôi mắt tôi sẽ tràn lan ánh sáng của hành tinh ngọc bích. Sau khi nghe Chopin, tôi để ánh sáng mặt trời từ Ý đại lợi bay qua trần ngập gian phòng qua tiếng hát buồn dịu của Connie Francis. Sau Connie Francis, tôi cho chạy hết tất cả đĩa nhạc Beethoven tôi đã mượn được. Tôi muốn linh hồn của Beethoven về đậu vỗ cánh trong trái tim của tôi. Trái tim tôi cũng vỗ cánh và đốt thành phượng hoàng : chim ó và chim phượng hoàng, rần và rờn, hai nhịp tim của đôi tôi, hai chàng của tư tưởng tôi : lửa và nước là hai vành thiên thu bay vút lên những con đường ngắn, người tử tôi quí lại sương mù thuở nhỏ, khi những trái thơm còn mọng trong môi nàng tiên trong truyền thần thoại ; lớn lên thì bay mướm đi những bóng sao trên hệ phổ, người ta đốt hết những cây trên đường phố : một hồn nhìn những gốc cây bị đốt ngoài đường thì tôi mới biết rằng mình không còn con nít nữa, tôi đã lớn và lớn có nghĩa là ôm trái tim đi lay lắt ăn mày sương mù trên khắp nẻo đường trái đất. Thiên thu bỏ đi như tờ bay lẳng giữa trời, như một đĩa hát chạy hết đường nhạc và cò kim rờ trên những âm thanh đã tắt. Tuổi thơ bỏ đi như điều thuốc bị dúi vào đồ gạt tàn mà vẫn còn cháy ngấm và phả ra những vòng khói hơi hám ngạt thở khó chịu. Tiếng thở thê của ban mai thì thấm trong máu. Ngày hôm nay trời qua lạ lùng, bây giờ là chín giờ tối. Chỉ còn một đám tro còn lại trong lưới. Người ta đến, rồi người ta đi. Tôi vẫn chưa sống hết mức nội tâm của tôi. Tôi vẫn còn nói rất nhiều và vẫn còn sống quá nhảm nhí. Hỏi họ muốn nghe thơ. Bao giờ tôi mới biết sống ? Biết im lặng ? Biết nhìn và biết nghe ? Biết sống tâm thường một cách lễ độ và thơ mộng ? Đứng bao giờ để lộ ra cho người ta thấy một chút bí ẩn của tâm hồn mình. Không bao giờ cần giải thích, cần biện minh, cần tìm lý do. Tất cả mọi sự đều xuất phát từ đốm lửa trong tim. Làm mọi sự cho xong và không mong kết quả ; một cử chỉ nhỏ nhất nhất đủ làm «hoa hạnh trở bóng trắng giữa đồng lạnh». Tất cả những gì xảy ra trong ngày đều cần thiết, không tránh bắt cứ việc gì cả. Tính mệnh là đôi mắt và mười ngón tay của mình. Đừng bao giờ phê phán dòng sông. Những cơn ác mộng là báo hiệu cho mùa xuân này lại. Đừng mong đợi đặc ân, thiên ân riêng cho mình. Chịu tai họa, tai nạn, thiên tai như tất cả mọi người : một người chết là tôi đang chết, một thành phố sụp đổ là thân thể tôi tan nát. Thơ phụng những đám lửa. Phượng Hoàng là con đường tôi đi : Phượng Hoàng là biểu tượng của tình yêu trong hư vô. Sự phủ phàng là lý do tồn tại của vũ trụ. Sự thất bại của loài người là bước đi về sáng tạo trong Ba giờ khuya. Phượng Hoàng kêu lên tiếng gọi của hoàng hôn và nghĩa địa. Sự chết cần thiết như giấc ngủ đầy mộng mị. Ngày hôm nay, tôi đang chết. Ngày hôm qua, tôi đã chết. Tôi vẫn chết với thiên thu. Sự sống là thân thể của tôi và sự chết là hơi thở liên tục từ một vô biên đến một vô biên, từ một vĩnh cửu đến một vĩnh cửu.

(Xem tiếp trang 15)



MỘT CHUT NĂNG TRÔI VẼ BIÊN

hôm nay tôi đã sống như thế nào, chỉ biết rằng mình quá làm biếng, chỉ dịch vài ba trang của Krishnanunti, nghe suốt buổi sáng và suốt buổi chiều bao nhiêu đĩa nhạc của Beethoven, Chopin, Tchaikovsky. Hút rất nhiều thuốc, nằm dài trên giường, nói nhảm, đọc nhảm, uống nhảm, mở cửa sổ và nhìn nhảm ra ngoài phố. Viết đến đây lại cũng thấy mình chỉ viết nhảm. Đứng đắn, chỉnh trang, nghiêm nghị. Tiếng là trong chậu kiếng cá mập vào cửa qua tiếng gió lùa vào khe hở. Việc viết nhật ký, đối với tôi, cũng quá buồn cười. Viết cái gì ? Có thể viết thực không ? Sự thật chỉ xuất hiện khi mình đã đạt đạo. Chữ đạt đạo cũng quá buồn cười. Đạt tính chắc dễ nghe hơn, vì lại ta và chưa ai dùng. Chỉ khi nào mình đạt tính rồi thì mới mong hiểu được sự thành thật có nghĩa là gì. Người ta cho rằng viết là phải nói thực, nhất là viết nhật ký thì lại càng bắt buộc phải ghi sự thực ; người ta làm như đã hiểu sự thực là gì rồi. Không có ai dám nói rằng đã hiểu sự thực, tìm ra kẻ giác ngộ ; ngay đối với kẻ giác ngộ sự thực cũng là bất khả tư nghị, nghĩa là không thể nghĩ về sự thực được nếu mình chưa đạt tính và đạt tính tức là Giác Ngộ. Tôi luôn luôn vẫn muốn thành quỉ, đó là lý do tại sao tôi thích đời sống quỉ quái, đời sống quạnh hiu của một con quỉ ẩn hiện. Nhưng từ đây tôi chết, nếu tôi vẫn chưa thành gì cả thì điều ấy quả là kỳ dị, tôi tin rằng tôi đã đạt tính rồi, tôi đã thành quỉ rồi, nhưng lòng tin này chỉ là sự nguy hiểm cần thiết của trí óc để đánh lừa trang giấy trắng và ngòi bút. Thành hay không thành, không quan trọng gì cả. Chỉ quan trọng là mỗi ngày tôi phải sống cho ra sống, nghĩa là linh động, tinh thức, khiêm tốn,

chỉ nghe nhạc. Vẫn buồn buồn, đi qua đi lại, đi lên đi xuống, mở cửa sổ, rồi đóng cửa sổ, mở cửa tủ, rồi đóng cửa tủ, mở nước chảy ra và vận động nước lại, nói và im lặng, im lặng và nói, nằm và đứng lên, đứng lên rồi nằm xuống, cuộc đời tôi đã xé bóng từ lâu rồi sao ? Tôi còn gì nữa để sống lại những gì đã qua, đang tới, rồi sẽ đi mất. Nhưng trí nhớ vẫn còn đó, lòng tôi héo úa như sân trường bãi khóa. Trong tôi vẫn nhói nhói lên ý tưởng muốn chết mà tôi vẫn dằn áp, vẫn cố gắng yêu đời, vẫn tập sống từng giây phút ; cuộc đời bề tặc từ lúc nào ? Tôi không còn biết sống nữa. Tôi đi trong tối, trong đau đớn âm thầm, trong những đêm đen sâu ; đôi mắt tôi không còn chịu nổi đèn điện, không còn chịu nổi ánh sáng mặt trời, không còn chịu nổi tiếng động ngoài phố ! Quá khứ là tương lai trong năm mờ : thực tại vĩnh cửu của đời tôi. Tôi không muốn khổ, tôi không muốn sống đen tối ; tôi muốn yêu đời, yêu tất cả mọi sự. Cho tôi một bài thơ của lục thảo đầu xuân, cho tôi nốt nhạc dịu dàng tan nát của bão tố trên đám cây giẻ trong ký ức. Tôi muốn sơn xanh. Tôi không thích than thở nữa, tôi không thích buồn chán nữa. Đến bây giờ tôi vẫn chưa biết sống ? Biền đang nhảy múa trong những đêm không ngủ, trong những thành phố chết. Chịu đựng hoài ? Không chịu đựng ? Chịu đựng hư vô, chịu đựng sự nhảm chán trong gian phòng ngạt thở, chịu đựng thiếu thốn, mặt trời và mây trắng. Chịu đựng thiếu thốn những cánh đồng xanh và những đóa hoa. Cảm giác là thiên tai nguy hiểm hơn tất cả những thiên tai lớn nhất trong đời. Cảm giác đang tàn phá ý nghĩa đời sống.

Sáng nay bắt đầu thức giấc với tiếng chuông chùa mệnh mông. Trong hồn cảm thấy mặt rươi

ĐỌC SÁCH

TIẾP THEO TRANG 4

những kẻ sống nó. Đó là một lựa chọn can đảm của con người kiểu hãnh : «Không được cúi đầu, phải ngẩng mặt lên ngay thẳng (...)» Cõi những giáo chủ chỉ là những nhà đạo đức. Chỉ có thể. Trước hết họ là người, một con người tốt» (trang 21 và trang 23). Không tin ở một thế lực nào trên con người, chỉ tin ở con người, nhưng lại ý thức giới hạn rõ rệt của con người, nên đa số nhân vật trong «Ngã đạo», bằng những cách khác nhau, trong những hoàn cảnh không giống nhau, cũng có cảm tưởng bị thất bại, bị thua cuộc trong đời sống, bị lừa dối, tuy nhiên vẫn nhìn thẳng về phía trước, tiến tới bằng sự chấp nhận ngay cả đến những cay đắng, xót xa, buồn thảm, sự chấp nhận sáng suốt và can đảm (những truyện «Nụ cười», «Vi dụ», «Ngoài xa», «Trắng xanh» và «Thiết lộ»). Tất cả họ đều nhận lấy đời sống nặng nề, khó khăn, bằng sự nhàn nhúc chịu đựng. Có sự phản nhận trước sức ép của đời sống, trước vòng kiềm tỏa của hoàn cảnh, trong những truyện «Vi dụ», «Ngoài xa», «Sau vách», «Trắng xanh» «Thiết lộ» và «Cái xích», nhưng là sự phản kháng nhẹ nhàng, trí thức hóa và vô hại, chưa phải là sự nổi loạn phá hoại đời sống phi lý. Khi mỗi tương quan giữa người và người bắt đầu rời lỏng, khi cuộc tình đến chỗ phải tan vỡ, vô phương viên cứu, vẫn còn có tiếng hát cất lên như đợt gió mát đưa hồn người về với những giấc mộng tươi thắm của cuộc đời rằm thường và nỗi tan thương cảm thấy cũng chỉ là nỗi đau thương rất đời thường và dịu : «Nàng cất tiếng hát khẽ một cách ngẹn ngẩn. Tôi vuốt lên lưng nàng nhẹ nhẹ. Tiếng hát mang tôi vào những nỗi êm đềm, bằng phẳng, tôi cho đó là đời sống của nàng hay của những người khác được sống dễ biết thế nào là thuộc ấu thơ, tình gia đình và những ngày thanh xuân hoa bướm. Được nằm trong những chiếc gối phủ màn trắng dong đưa. Được ngủ ở giường có chiếu chăn và áo mặc (...) Bao nhiêu những điều khác nữa mà đó là những điều tôi không được biết, không được hưởng, cũng như tôi chưa được sống ở trong mái nhà, một mái nhà với tất cả ý nghĩa của nó. Tiếng hát của nàng bỗng ngẹn ngào rồi ngừng lại. Những giọt nước mắt tôi nhìn thấy tôi chưa được khóc. Tôi thấy thương xót chính mình» (truyện «Ngoài xa», trang 62). Nhân vật có nghi ngờ người đời («chẳng ai yêu anh. Có lẽ chính cả em nữa», trang 62), nhưng không bao giờ căm thù hận học với cuộc sống. Thất bại, hẳn nhận chịu và hiểu thấu mà không oán hận : «Tôi chẳng hề rầy trách tôi khi tôi là kẻ thụ động — bao giờ tôi cũng nằm vào thế này. Có điều ngồi ở giữa sự im lặng này tôi thấy thương hại tôi. Chẳng phải vì sự này không cần thiết — mà chính ra tôi là kẻ bị thua. Cả đời sống tôi như vậy. Tôi là một cái gì rất thừa thãi, rất vu vơ...» (trang 63). Đó là những lời thú nhận rất «dễ thương», sự dễ thương của những kẻ chân thành, chân thành ngay cả trong những trò chơi nguy hiểm, đầy cạm bẫy : sự căm dỗ của ái tình lôi cuốn. Và tình yêu chính là tấm lưới dày đặc chụp bắt các nhân vật, họ vùng vẫy, quẫy lộn trong đó. Niềm khao khát một tình yêu chân thực và ý nguyện tự vẫn của người con gái khi bị lừa gạt là đầu mối của truyện «Vi dụ» ; cũng như tình yêu cuồng dại giữa đôi thanh niên thiếu nữ là khởi điểm của cuộc chia tay cay đắng được mô tả trong truyện «Ngoài xa» ; kỷ niệm tình yêu với niềm hối hận dầy vò và ước muốn chiếm đoạt là hai đầu dây căng thẳng của câu chuyện đầy ngộ nhận bị hải trong truyện «Sau vách» ; và nỗi say đắm nhục cảm làm bùng lên những kỷ niệm thác loạn trong trí nhớ quay cuồng của một người đàn bà, ở truyện «Trắng xanh», với một đoạn rất biểu hiện : «Tôi không biết hẳn đã đi khỏi lúc nào, tôi cũng không biết cơn mưa tạnh lúc nào, tôi thức dậy trong một bầu không khí mơ hồ, như có một

bầu khí xanh bao vây quanh tôi, tôi thấy nhẹ nhàng thanh thoát như có thể bay được, cảm ơn chàng, cảm ơn người tình của em, nhưng sao anh đã bỏ đi, thân thể em đây, da thịt em đây, mỗi mắt em đây anh đâu, anh đâu, anh hãy ôm lấy em, dòng nước chảy xiết, lần băng tan rã... Bầu khí tan đi, tôi thấy tôi như rơi xuống một vực thẳm, tôi chỉ là tờ giấy, những tờ giấy bèo bọt, trôi nổi, không còn chàng đó nữa, không còn hơi thở nồng nàn, không còn khối lửa đỏ sôi lên ngút ngát triền miên như một dòng thác lũ làm tan tôi, bây giờ tôi đây là một người lạ của chàng, một người nhìn thấy của hẳn, rồi hẳn sẽ đi, sẽ không nhớ một chút gì, hẳn chưa nhìn thấy tôi, hẳn không còn nhớ hẳn đã sở hữu cả thân thể tôi, sở hữu cả bí ẩn của đời tôi, không còn nhớ một hơi thở» (trang 93). Toàn thể đoạn văn vừa trích, chỉ có hai câu, đủ cho thấy bút pháp của tác giả bám sát nội dung, diễn tả bằng những dòng chữ cuộn cuộn một đợt cảm giác và cảm xúc phức tạp, vừa mơ hồ vừa mãnh liệt. Sức mạnh gợi cảm của bút pháp này. Nhưng thường thường, câu văn của Dương Nghiễm Mậu đơn giản hơn, ngắn gọn hơn và diễn tả được thực tại một cách tế nhị : «Có tiếng hát đứt khúc không rõ ràng như tiếng gió lay động trong một bờ biển nào rất xa, tiếng sóng biển vỗ vào trong không khí» (trang 43). Có thể tế nhị, nhưng văn của tác giả này không có cái vẻ chải chuốt của văn Viên Linh, lại càng không có cái vẻ cầu kỳ dài của của Mai Thảo hay của Túy Hồng, tôi muốn nói : văn Dương Nghiễm Mậu không có những tìm tòi công phu, không có những khám phá độc đáo ở cách phát biểu ; thứ độc một vài câu cùng đoạn với câu vừa trích ở trên đây : «Tôi không nghe tiếng chuông kêu, tôi lắng nghe những hoàn toàn không có tiếng chuông, chuông như tai tôi bị lạc đi hoàn toàn, biết đâu chiếc chuông đã hư ngay lúc đó. Tôi nhìn chuông lần nữa và hết sức lắng nghe nhưng vô tâm, tiếng đồng hồ hồ lúc đầu tôi nghe được bây giờ hoàn toàn không còn một tiếng nào nữa» (trang 43). Những câu như hai câu này làm lộ rõ một phần nào cách thể diễn tả của tác giả : điệp ngữ và loằng ngoằng, lời văn thật sơ sài, mộc mạc đến độ vụng về. Nhưng thực ra, nó đơn giản hơn là vụng về, tác giả viết nhiều khi như người ta nói, bằng ngôn ngữ thường nhật. Có vẻ như Dương Nghiễm Mậu không ưa chăm sóc câu văn một cách tỉ mỉ, ông ghét sự hoa mỹ, dù khi cần ông vẫn có thể viết được những câu văn thật hoa mỹ, thật cầu kỳ. Về cách kết cấu, làm cho mỗi truyện trở thành phức tạp, tác giả xem kẻ nhiều giọng kẻ, đặt câu chuyện dưới nhiều quan điểm, để các nhân vật phát biểu những cách khác nhau, hoặc trái ngược nhau hoặc bổ túc nhau, chẳng hạn như ở những truyện «Nụ cười» và «Vi dụ» ; các nhân vật xen lẫn lời nói vào lời kể của tác giả, hoặc có khi nhân vật dùng lời độc thoại nội tâm. Kỹ thuật viết này làm cho truyện kể trở nên linh động, phức tạp và do đó phong phú hóa được nội dung. Nhưng đến nay nó không còn là một khám phá mới mẻ nữa. Nó đã được khai thác triệt để và thành công rực rỡ với những James Joyce, Lawrence Durrell, đồng thời nó bị lạm dụng đến độ trở thành những lời lăng nhăng, những câu văn làm nhảm dưới ngòi bút của bao nhiêu nhà văn sinh mới. Dương Nghiễm Mậu cũng lạm dụng lối độc thoại nội tâm, làm cho truyện kể mất hết sự mạch lạc tối thiểu, trong truyện «Trắng xanh». Dù sao, người ta có thể coi lối kể truyện dưới nhiều quan điểm đối chiếu nhau chỉ là một thuật nhỏ nhỏ trong rất nhiều thuật viết truyện, như đang ngắm một quả bóng được chuyển đi chuyển lại qua tay nhiều cầu thủ, chừng đó sẽ thấy nó là một trò chơi vui vui. Quan niệm như thế, sẽ thấy kỹ thuật này nơi Dương Nghiễm Mậu cũng là một trò chơi vui vui và đó là trò chơi về bút pháp của một người viết đã trải qua một kinh nghiệm khám phá mà hẳn không muốn (hay không thể ?) tìm lại trong tác phẩm «Ngã đạo» này. ▽

MỜI QUI BẠN ĐÓN CÒI
TRÊN KH NHỮNG SỐ TỚI :

THÀNH PHỐ BÂY GIỜ

ĐỀ TÀI CHUNG CỦA

TRẦN HOÀI THU — ĐẶNG ĐÌNH
TÔNG — PHAN NHƯ THỨC — LÊ
VĂN CHÍNH — TỪ KẾ TƯỜNG —
TỪ THẾ MỘNG... THẾ VŨ

— SAIGON — ĐÀ LẠT — PHAN THIẾT —
QUI NHƠN — PHAN RI — ĐÀ NẴNG...

DƯỚI MẮT NHỮNG NGƯỜI TRẺ TUỔI

những vòng tròn ..

tiếp theo trang 7

nhắc nhở giấy tờ. Không biết mình nên làm cái gì mang đây ý nghĩa để hiện diện mình trong buổi đồ nát tả tơi, thỉnh thoảng nghe người khác phải nhắc làm con gái nhiều sung sướng, cũng chẳng cần mình xác làm gì. Phải rồi cứ là áo quần thật thẳng nếp, đi học và dạo phố, dư dả tổ chức tiệc tùng, những gì đã và đang xảy ra cố gắng đừng thêm biết và nghĩ cuối cùng an phận của kẻ làm người.

Thỉnh đi rồi ai đưa tôi về trong những lần dự sinh nhật bạn bè, con lo không còn đẹp và nụ hôn vòng ôm phải trao về kẻ khác bạn Thỉnh sao. Tôi nhìn trong mắt mình có đôi mắt bà cô rình rập, tôi muốn thét to, từ ngục, nhưng biết ở phía ngoài ngôi nhà này ngục tù không kém. Để rồi nghe lặng yên tất cả, duy còn tiếng đồng hồ của nhà máy bên kia sông, chúng tôi phải như những răng cưa, phải chuyển mình cho ăn khớp, những lời thô tục mất hẳn kể từ lúc bọn du đảng trong xóm đi hết. Gần hết năm ngày chưa làm được việc gì cả, ngoài nhìn da mặt mình trong tấm kính rồi tự nhiên tức bực dâng trào, muốn nắm lấy tôi, chà đạp lấy tôi và người trong gương vẫn bất động.

NGÔI nhà trong nội thành mùa này chắc ướt thắm đầy nước mưa, tôi không chịu đựng được những tàn tích trên bức vách, trên cánh cửa và trên hàng cây sấu đông cầm cố. Lâu lắm tìm về căn nhà cũ để thương nhớ về mình ; người đàn bà nằm vắt bên bụi chè tàu, đưa trẻ bỏ lê gào khóc, rồi miêng hình trên tường vỡ ghim vào vai nhứt buốt, tất cả meo mồm đổ dồn trong vườn và ngôi nhà, thiếu hẳn sửa sang. Biết bao giờ cho xong mà sửa sang hả cháu, mình nghèo lắm rồi, Mẹ tôi nói chừng đó, tôi bước ra đi đặt lùi ra cổng như chạy trốn.

Những chất ngất còn vương đọng trên môi se thật, tôi bước ra vườn, chiều thứ bảy thật buồn, chiều cuối tuần người ta đi giải trí hết, lũ bé bên kia nhà hát xóm chơi đá bóng, tôi thấy những vòng tròn trắng đục bủa vây quanh quần. Tôi đứng ở nơi nào. Thành phố có kính và di tích thời chiến tranh. Thỉnh thoảng lũ trẻ reo hò và vỗ tay, tôi muốn mình vỗ tay thật lớn, ca hát cho cuộc đời, cuối cùng tôi lắng nghe tiếng đàn kéo lần thứ hai và thứ ba, liên tục, những vòng lần không ngừng. Tôi nhớ đến bà cô giờ này chắc sắp tính toán buổi chợ, lo sắm cho ngày mai và những cái nhìn nghiêm nghị.

Và những vòng lớn màu trắng lùi dần, tôi đứng yên cho những cơn trời xoay mình. Tôi đưa tay vuốt mặt nhớ đến bạn bè. ▽

NGUYỄN TUÂN

(tiếp theo trang 10)

và tờ báo Văn Học của Hội cũng đổi thành tuần báo Văn Nghệ. Nguyễn Tuân nhờ anh em liên đến tòa soạn tìm thăm. Chợt gặp Nguyễn Hồng trước cửa ra lên:

— Ô! Ông đi thực tế về đây à? Hay lắm, nhìn cái trán ông nay giống đồng chí Lê-nin lắm. Đi «thực tế» về vui về chứ đồng chí Lê-nin?

Nguyễn Tuân nhếch miệng cười, Cái cười thăm lăm sao! Nét ngạo mạn khinh đời, khinh người ngày xưa đâu còn nữa.

Sau đấy ít lâu, để chứng minh cho Đảng biết rằng mình ngày nay «thực tế» thật sự, Tuân cho ra tác phẩm SÔNG ĐÀ, tập I và tập II (Nhà xuất bản Văn Nghệ Hà - nội 1961) tùy bút viết về sinh hoạt thời kháng chiến và sau ngày hòa bình lập lại của người dân vùng Tây Bắc, khu tự trị Thái Mèo. SÔNG ĐÀ là kết quả của hai năm «suy nghĩ» trên rừng Tây Bắc.

Tưởng rằng Đảng sẽ «tha thứ» mình sau hai năm dầy ải và Đảng là NGƯỜI ĐÓN VƯỜN ở ra chỉ trích, nhờ có liên tục mấy số liên, làm Nguyễn Tuân chết đứng, nước mắt rưng rưng, uất ngừ lên. Thôi, thế là hết, đời văn nghệ của Nguyễn Tuân, cái tên Nguyễn Tuân Đảng không còn «chấp nhận» nữa rồi. Có vùng vậy, có làm gì đi nữa cũng bằng thừa. Đảng thù dai quá, còn biết làm sao?

Từ đó, Nguyễn Tuân trở nên một cái bóng lảng lẽ, gần như không tồn tại cho người. Tuân gần như không sáng tác, chỉ thỉnh thoảng viết lời bạt cho mấy cuốn sách của bạn bè thân như

Nguyễn huy Tường và một số mầm non.

Năm 1965, Trung Ương Đảng mở một chiến dịch tuyên truyền rầm rộ để tổng động viên thanh niên miền Bắc đưa vào Nam chiến đấu; nên trên phương diện văn nghệ, Đảng đề cao không tiếc lời các tác phẩm văn nghệ, các bài viết của những văn nghệ sĩ ở chiến khu miền Nam do MTD TGPVN gửi ra. Đảng gom góp lại cho in thành một tập thư dưới tựa «Thư từ tuyến đầu Tô quốc» và quảng cáo rầm rộ đêm ngày. Đài Phát Thanh Hà nội cũng mở thêm tiết mục nói về cách mạng miền Nam: tiết mục: «TỪ TUYẾN ĐẦU TÔ QUỐC».

Đảng kêu gọi các văn nghệ sĩ đi bán sách «từ miền Nam gửi ra» vừa để tuyên truyền sâu rộng, vừa gây quỹ thêm cho Đảng, Nguyễn Tuân là người xung phong đầu tiên ôm sách đi các tỉnh bán dạo. Khi thì ngồi đầu cầu, khi leo lên tàu hỏa, khi ở bến xe đò, lúc vào trường học chào hàng, y như những anh chàng bán sách «xôm» quảng cáo a-ê ở các bến xe đò Saigon ngày nay. Lang thang nay đây mai đó, Tuân bán cũng được khá nhiều. Nhờ thế, Đảng thương tình cho gọi về cộng tác với Đài Phát Thanh Hà nội trong tiết mục «TỪ TUYẾN ĐẦU TÔ QUỐC».

Nguyễn Tuân mừng vô hạn, «khẩn gói quá mướt» về ngay. Và từ đó mỗi tối trong tiết mục này, Nguyễn Tuân cứ vài hôm lại lên đài, ra ra đàm thoại với nhà văn ANH ĐỨC của Hội Văn nghệ Giải Phóng, phục vụ tại Đài Giải Phóng. Hội Văn Nghệ này do Huỳnh minh Siêng tức Lưu hữu Phước được Đảng gửi từ Hà nội vào từ 1960. Anh Đức là tác giả cuốn «BỨC THƯ TỪ CÀ MAU» gồm những tùy bút, bút ký, truyện ngắn gom lại, chủ yếu là những bài dưới hình thức «thư gửi cho Nguyễn Tuân», được Nguyễn

Tuân ca tụng hết mình trên báo VĂN HỌC: «VĂN CHƯƠNG TỪ TUYẾN ĐẦU TÔ QUỐC». Anh Đức còn là tác giả tiểu thuyết «HON ĐẤT».

Và ANH ĐỨC chính là nhà văn Lê vinh Hòa, quê ở Rạch Giá, trước đây là đảng viên C.S. kháng chiến ở miền Nam, 1954 về Saigon viết cho tuần báo NHÂN LOẠI và một số tuần báo, nhật báo khác, mà một số nhà văn Saigon quen mặt, quen tên.

Ấy thế, Nguyễn Tuân đàm thoại ra ra cả năm trời, nói chuyện trời mưa trời gió, tán gẫu về đất nước miền Nam, rồi bỗng nhiên Nguyễn Tuân mất tích, không thấy tăm hơi đâu nữa. Không biết những gì đã xảy ra cho Nguyễn Tuân.

Mới đây, theo một nguồn tin thì Nguyễn Tuân đã chết thực sự rồi.

Tin ấy không biết có đúng không? Chết vì lý do gì cũng không ai biết rõ.

Nhưng, nếu thật vậy thì, Nguyễn Tuân ơi, vui mà được chết sớm ông Nguyễn Tuân nhé. Bởi đời ông như ông đã tiêu liệu trước kia bằng tên một tác phẩm: «VANG BÓNG MỘT THỜI».

THỜI bây giờ đâu phải là THỜI của ông! Nó chỉ là những năm TIỀN CHIẾN.



KỲ TỚI: ÔNG CAI ĐỎ:
NGUYỄN ĐÌNH THI

vài ý kiến về thơ

(tiếp theo trang 2)

ôm đồm, chưa nói đến những manh nha quyền lợi phe phái bên trong.

Do đó, cho đến lúc này, cá nhân tôi vẫn chưa có mong ước và thấy cũng chẳng có vinh dự gì khi ký tên dưới tác phẩm của mình còn phụ chú thêm một câu «Trong thi đoàn X, trong văn đoàn Y v.v.v...» ngoại trừ tôi đã là hội viên của Hội Văn nghệ sĩ Quân đội với hoài bão là cùng với các nghệ sĩ khác đang cùng trong hàng ngũ, kết hợp được thành một lực lượng đáng kể để phục vụ văn hóa, theo như mục đích và tôn chỉ của Hội khi thành lập.

Tôi nghĩ, mỗi thi sĩ, văn sĩ đều có lòng tự trọng và tự ái, tinh thần cao vọng của kẻ sĩ, nếu hoài bão trên có mai một cũng là do không phải ở mình. Mặc dù bản tính tôi vẫn thích độc lập, tự do, nhưng không hẳn là

không đồng ý cần có sự tập hợp, cần có nhóm để sinh hoạt chung và hoàn thành sự tập hợp lại với nhau phải có tinh thần cộng đồng, nâng đỡ thực sự để cho nhau cùng tiến, đem lại cho nhau niềm vinh dự, hạnh diện chung.

IV.—Tôi chỉ mới xuất bản được một tập thơ «Giác Ngủ Chấn Đò» từ năm 1965.

Tôi lười viết từ 5 năm nay, ảnh hưởng ở không khí chung và hoàn cảnh gia đình riêng. Và lại tôi chỉ viết khi có cảm hứng. Đạo này tôi có bài đăng thưa thớt trên báo Khởi Hành, Tiền Phong, Niềm Tin.

Tháng 6/69 tôi đã được kiểm duyệt xong tập thơ «Nỗi Buồn Hy Vọng» và tập truyện «Bên Kia Khung Cửa» nhưng vẫn chưa có đủ tiền in. Anh Kiều Công Nhị có nói là thuê tiệm ước làm cho giá giấy lên cao nên chờ giá cả vừa phải anh ấy sẽ in cho tôi.

Vậy thì chỉ còn chờ. <

một chút nắng trôi...

TIẾP THEO TRANG 13

Cả đêm qua không ngủ được, nằm thao thức và muốn tự tử. Cố dồn nén ý thức đến tối ấy, cố gắng hết sức tranh đấu với nội tâm để tự chiến thắng mình. Buổi sáng ngồi dậy uống trà, thức nóng và nghe Sonata của Beethoven, không bật đèn điện mà chỉ đốt đèn sáp. Trọn hôm nay, tôi sẽ không mở cửa cho ai vào phòng, dù có quen thân đi nữa, tôi không cho ai được quyền xâm phạm gian phòng này. Những kẻ phá hại mình nhất đều là những kẻ tự nhận là «quen thân». Trời lạnh quá sức, tôi phải trùm chăn khi ngồi uống trà, sức khỏe tôi càng lúc càng tàn tạ: ít hậu quả của cơn bế tắc tâm linh. Chỉ có cách giải quyết duy nhất là làm việc liên miên suốt ngày đêm, không gặp ai hết, đóng kín thế giới riêng của mình, cắt đứt với đời sống thực tế của người đời. Cảm giác, mà là lý tưởng của tôi. Hôm nay, tôi thù ghét tất cả mọi người, tôi sôi máu. Tập tàn nhẫn, lạnh lùng, lạnh dạn, phủ phàng. Tạo ra một thế giới khô khan và chết lị trong thế giới ấy. Không đi tìm giải khát, không đi tìm tiêu khiển cho nỗi bế tắc tâm tư. Mưa máu mà chết đi, còn hơn phản bội mi trong từng cử chỉ, từng giây phút. Khó khăn, sống khó khăn. Đi tìm tất cả mọi sự khó khăn nhất. Làm những gì dễ dàng trở nên khó hiểu. Không giản dị hóa, không rút gọn, không tóm tắt. Kéo dài ra, làm phức tạp, làm bế tắc, làm đen tối tất cả mọi sự. Hóa ngục là sống quá dễ dàng,

dễ dãi. Giá trị của mỗi sự vật không phải ở chỗ giản dị của nó. Sống giản dị là lừa dối. Chỉ có sự giản dị duy nhất là sự phức tạp vô hạn, khám phá ra sự phức tạp vô hạn ấy và sống với sự phức tạp vô hạn ấy như là thể.

Những nóc chợ của những thành phố đã đi qua bây giờ chỉ còn lờn vờn và rã rời trong ý thức. Rã rời như chuyện thần tiên thuở nhỏ được mang đi về miền núi là khi mình đã trưởng thành; con người rừng mình trước hư vô lầy bầy của mặt trời nước cả những kỷ niệm khác khoai ấu thơ, để lại đời sống hình dáng thâm hại, những hoài vọng tắt ngấm, cả đời người sồn sác để đi tìm những thần thánh hoặc tiếc thương những thung lũng rờn rợn dưới thềm nhà trên đồi cao ngó xuống; mỗi ngày chỉ là sự toa rập với sự nông cạn dễ dãi, khi lạnh của nỗi chết vây phủ nhuận vào hồn mình mỗi buổi sáng mở cửa sổ ngó ra đây cây cỏ đang chân trời; những mùi của cây lá đã len lỏi vào từng lỗ chân lông trong cánh tay, những tháng ngày bay là tả nhồn nhơ xa hút, nỗi héo ứa ngấm ngấm ăn rở trong hai bước chân tro trên lối lỏ, giọng nói càng lúc càng trở nên gât gât, đôi khi vô vờ, đôi khi ỉ ếp những đường đi cũ, ỉ ếp ngọn đèn, ỉ ếp ái tình, ỉ ếp tiếng lộp độp của đầu xuân trở về khi mùa hè lồng lộn của tuổi trẻ bắt đầu trời riết hơi thổi vào những gốc cây trụ đen hủi lờ, xin loại hết những vốn liếng trí thức vào hư vô, mộng thảo rữ gục trên đầu tơ mỏng trắng, tuổi thơ vẫn còn thốc sau lưng, thôi thúc tiếng cười, khuấy phá, an ủi, hung dữ: cơn cào,

bước đi loạng choạng; dưới sức, buông bỏ, nhìn rần rần vào hòa ngục, không chớp, liêu linh, tay ướt đầm máu, gió thu tắt ngấm trên đời xưa, hy vọng sập bẫy, rơi vào cơn ỉ ếp mộng mị, nét đứt dần trôi liệt những con chim muốn bay xa, trườn lấp mọi sự, khuấy động mọi sự, chuyển choạng, giẫm nát hơi thở, một góc hiu quạnh, lấp lánh in trốn. loạng choạng say men sáng, thiếu não sống! từng nhịp tìm đuổi đời mình, sơn xám bạch tương lai, quần quýt hương thừa, khi nổi chết bốc lạnh! ngoài sân, sẫm màu, bầu quanh bầu trời, những rui kèo của quê hương đồ nát, tuổi thơ bệu xanh trên, những đàn muỗi vo ve, muốn gỡ thoát bóng đen trước mặt, nhưng vẫn bị đục như thân cây già, sợi thông lọng quấn chặt tâm tư. Thân thể và tâm hồn rách như kẻ ăn mày ngủ quên sân chiều.

TIẾNG KÊU THẤT THANH, BI PHẬN
ĐẦY NƯỚC MẮT CỦA TOÀN «DÂN VỊT»:

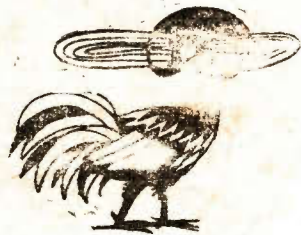
TIN VỊT

● NGÀY ĐẠP TUNG VỎ TRỨNG:

15-6-1970

● CHỦ NHIỆM — CHỦ BÚT: TÚ KẾU

ĐANG TRAN HUÂN



chuyện cảm đơn bà

BÒ VÀ CHỒNG

Chồng và tình nhân khác nhau ở điểm nào?

Khác nhau ở điểm ban ngày và ban đêm.

LÓA MẮT

Trên hoang đảo có ba người sống sót trong một cuộc đắm tàu chung sống. Họ là một cặp vợ chồng lành khách và một thủy thủ trẻ rất bô trài. Mấy ngày qua người đàn bà và thanh niên thủy thủ đã mê nhau nhưng không làm sao lừa dối được người chồng. Hòn đảo quá nhỏ, trợ trụi có một cây dừa cao ngất. Một

hôm người thủy thủ nói với người chồng:

— Chúng ta chỉ có một hy vọng độc nhất là cây dừa này. Vậy tôi đề nghị với ông chúng ta nên thay phiên nhau trèo lên ngọn cây mỗi người một giờ để nhìn xem có tàu ở phía xa thì ra hiệu họ tới cứu... Ông đồng ý chứ... Nếu vậy, tôi xin xung phong tua đầu.

Nói dứt lời người thủy thủ thoãn thoắt trèo lên cây.

Năm phút sau người thủy thủ chỉ tay xuống phía hai vợ chồng năn nỉ:

— Thôi, thôi ông bà ơi! Tôi van ông bà xin ông bà để đến tối. Bây giờ mà ông bà làm thế trước mặt tôi, tôi không chịu nổi đâu, tôi phát điên lên mất.

Hai vợ chồng vẫn ngồi nghiêm chỉnh dưới đất ngạc nhiên hỏi lại:

— Anh bảo thôi cái gì? Chúng tôi vẫn ngồi im chứ có gì đâu!

Người thủy thủ đáp:

— Trời, nếu vậy thì là tôi lóa mắt. Đó chỉ là ảo ảnh. Vậy thì được, không sao. Đến lượt ông lát nữa ông leo lên đây gác một giờ như tôi rồi rẽ biết.

CHỮA NGÁY

Hai cô bạn gái cùng mới lấy chồng, và cả hai người đàn ông đều

có tật ngủ hay ngáy. Vài tháng sau nhân dịp tâm sự một cô hỏi:

— Mày làm cách nào mà chồng mày hết ngáy hay quá vậy.

Cô bạn cười mỉm:

— Tao không để cho anh có thì giờ nữa.

TÊN ANH LÀ GÌ?

Người chồng đi xa trở về bất ngờ không báo trước. Ông thấy vợ đang nằm trên giường với một người đàn ông lạ.

Rất bình tĩnh ông lắc đầu hỏi vợ một cách khinh bỉ:

— cô trả lời tôi đi. Người đàn ông này là ai?

Người vợ lúc đó mới hỏi người đàn ông nằm bên cạnh:

— Ông ấy nhắc em mới nhớ. «Anh tên là gì uhi?»

CÔNG VIỆC CỦA VIỆN THỐNG KÊ

Viện Thống Kê vừa ấn hành một thông cáo theo kết quả điều tra của Viện thì từ mấy năm gần đây duýp đàn bà mỗi ngày mỗi gần và hẹp dần trong khi mật đàn ông càng ngày càng te ra.

THUỐC BỎ TRẺ EM

Thiếu phụ vào tiệm thuốc Tây hỏi ông dược sĩ:

— Thưa ông thứ thuốc ông mới cho quảng cáo trên các báo có đích thực làm cho con nít khỏe và mau lớn không?

Người bán thuốc nói:

— Tôi đã bán hơn một trăm hộp trong năm rồi mà ai cũng đều khen hay cả.

Thiếu phụ mua hai hộp, bước ra khỏi tiệm. Lát sau bà trở lại hỏi nhỏ người bán thuốc:

— Ông ơi, cái thuốc làm trẻ chóng lớn ấy thì ai uống, tôi hay là nhà tôi?

THUỐC AN THẦN

Một thiếu phụ dẫn chồng tới bác sĩ. Người đàn ông uể oải, phờ phạc, có vẻ một nhọc cực độ. Bác sĩ coi mạch cho bệnh nhân xong, bèn nói với người vợ:

— Tôi cho cái đơn này bà ra hiệu thuốc tây mua hai lọ. Đây là thứ thuốc an thần mạnh nhất. Mỗi ngày uống ba muỗng cà phê.

— Thưa bác sĩ tôi phải cho nhà tôi uống vào buổi sáng hay buổi chiều?

— Buổi tối, trước khi đi ngủ. Nhưng là bà uống chứ không phải ông ấy đâu.



PHẠM NGỌC LƯU (Tuy Hoà).—

Cảm ơn những ý kiến trong lá thư. Khuôn mặt của KH là khuôn mặt trẻ, và với tôi, bốn lai diện mục, luôn luôn nhìn lại, mặt mình, ráng để trẻ với anh em. Tuy nhiên, có lúc quá đà. Ráng coi lại. Truyện ngắn cho KH cỡ 10 trang đánh máy là vừa, đang đọc.

TRẦN CHU ĐĂNG (VL).— Như thế tốt hơn. Bài 8 chữ được. Cứ gửi thêm. Cũng đồng ý về nhận xét của anh.

DẠ HUYỀN (VT).— Cảm ơn lá thư bạn. Bạn nên tiếp tục gửi bài đến chúng tôi được dịp đọc thêm.

TỊNH TÂM (ĐL).— Vì mục đó chấm dứt rồi, nên bài Tâm chuyện sang mục Đoàn Văn. Hiên chứ.

NG. KIM PHƯƠNG. — Tuần này thì chắc nhận được cả mấy thứ. Xin lỗi bạn nhé. Viết về Thành Phố đi, còn kịp.

CAO HUY KHANH. — 1) Thạch Lâm — 2) Nhất Linh. — Thân.

CAO THOẠI CHÂU (Kon-tum). — Lại làm một bài thơ?

NGỌC THUY KHANH (VB Đà Lạt). — KH vẫn thiếu thiếu ở sạp báo như vậy, vì từ lúc đầu (số 1, 2, 3, 4) in ít quá. Khi nào về Saigon, sẽ có mấy số thiếu. Thơ vẫn cắt kỹ, có dịp là đăng. Ba bài 6-8 là ba bài cũ phải không? Trong thư đầu có gửi kèm.

TÔ VÂN (Đồng Hà). — Mãi chưa thấy vào Sg? Loại Bút ký mới có tập Một Chuyến Đi của Nguyễn Tuấn (in trong Văn Học số mới nhất).

NGUYỄN PHONG HÂN (QN). — Đã chuyển lời hỏi thăm của anh tới anh Tường Linh.

VƯƠNG PHÚ DU. — Đang đọc văn xuôi. Đề lựa đăng dần. Cứ làm cho kỹ, không cần nhiều.

NHẮN TIN CHUNG

Vẫn còn một số bạn gửi Nhật Ký Chung về tòa soạn, sau khi chúng tôi đã lưu ý ngưng gửi. Chúng tôi rất tiếc phải gác lại, nếu không chuyển sang mục Đoàn Văn được.

NG. CỬU THANH. — Đã đọc hết bài «Thành Phố Bỏ Lại» của anh. Rất tiếc anh viết hai mặt giấy, không đăng được. Bài đó sẽ đăng nếu anh viết một mặt giấy. Ở Sg, anh có thể ghé tòa soạn, để đưa lại. Ở xa, cho Đ/c để gửi. Trong khi đó anh cứ viết tiếp.

NHẮN TIN

NGUYỄN ĐỨC SƠN (Bla). — Kể có tài vẫn có tật. «Thôi, chẳng sao, cũng được...» cứ nói thế cho vui về. Đã gửi về địa chỉ Lê Mong. Chắc lần này thật sự nhận được rồi. Sẽ đăng toàn thể. Té ra y không sành thơ nhỉ? Mấy bài kia đăng thì kẹt lắm. Lâu lâu làm phiền nhau chơi một lần cũng có cái vui chứ?.

DUY NANG (NT). — Cũng như anh Cao Hoàng Nhân, tôi thấy bài anh ở tòa soạn KH, và tự ý đăng vì

sợ chậm nếu chuyển qua anh Tường Linh. Và vì có nhiều đoạn chắc chắn sẽ gây hiểu lầm (anh nói về tác phẩm và lá thư người khác trách nhiệm) tôi mạn phép anh một tí.

ĐANG ĐỌC

Nguyễn tất Vịnh — Trần tình Dâng (văn) — Trần miêng Kha (văn) — Mặc mai Nhân — Trần Loan (văn) — Phạm Qnà Nhiều — Võ chân Cửu.

Lâm Hào Dũng — Trần Phú Thế — Kha đình Thụy — Vũ Đức Sao Biển — Bùi Đức Chính — Hoài Nhã Liên Văn — Ng Viết Duật — VC. H d. — Vũ anh Sương Hoàng Hạc (2) Đình Từ Niệm — Phương Á. Đông — Đặng công Cư — Tô Thụy Vũ — La Ngọc Thụy.

KHÔNG ĐĂNG

Trần miêng Kh — Mây CM — Trần L — Trường Th — Võ Hoàng ĐL — Thái Hoàn C — Đỗ Vũ A6 — Nương T — Huỳnh Văn Th — Y Linh HT — Văn Dạ Th.

Khắc M. — Phạm v Hòa — Ngí Du C — Trần Miêng Kha.

SẼ ĐĂNG

Mường Mán.

ĐỊA CHỈ MỚI CỦA TẠP CHÍ

MẶT ĐẤT

Từ nay mọi liên lạc với Nguyễn Đức Sơn và tạp chí xuất bản MẶT ĐẤT xin gửi bằng bảo đảm để tên ÔNG TÁM, TỶ BƯU ĐIỆN

BLAO, nhờ chuyển giao.

BÀ NGUYỄN THỊ HƯỜNG

LÃNH THẦY CÔNG TÁC, CUNG CẤP VẬT LIỆU
GIÁM ĐỐC VÀ CHỦ NHÂN

Phạm TS 1971

HIỆP HƯNG

Phone : 90.167 — 90.498

282, Cống Quỳnh SAIGON

GENERAL CONTACTOR — REAL ESTATE AGENCY — LAUNDRY SERVICE

IN TẠI NHÀ IN THẾ GIỚI 225 - 227 ĐƯỜNG PHẠM NGŨ LÃO — ĐIỆN THOẠI : 25.863 — SAIGON

<https://tieulun.hopto.org>